

Số: 68 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2026

VĂN PHÒNG BỘ QUỐC PHÒNG	
VĂN BẢN ĐIỀN TƯ ĐỀN	Số: 613D Ngày: 10/01/2026 Chuyên:

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Thủ tục hành chính theo Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ: 08 thủ tục (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo);

- Thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực thủy sản: 03 thủ tục (chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

Các thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ công bố tại Quyết định này được ban hành tại Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

- Bãi bỏ các thủ tục hành chính nội bộ số thứ tự 7, 8, 9 Mục VIII Phần I và nội dung cụ thể của các thủ tục hành chính nội bộ tại phần II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1343/QĐ-BNN-VP ngày 04/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Bãi bỏ các thủ tục hành chính số thứ tự 18 Mục A, thứ tự số 7, 15, 17, 18, 19 Mục B, thứ tự số 2 Mục C, **số thứ tự 2, 3 Mục D, Phần I** Phụ lục và nội dung cụ thể của các thủ tục hành chính tại phần II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Bãi bỏ các thủ tục hành chính số thứ tự 2, 7 mục A, Phần I và các nội dung cụ thể của các thủ tục hành chính tại phần II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Thủ trưởng các Vụ, Cục, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Đức Thắng (để b/c);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các Thứ trưởng; Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ, Công thông tin điện tử Bộ;
- Báo Nông nghiệp và Môi trường;
- Liên đoàn thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, TSKN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Đức Tiến

Phụ lục I
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC
THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Tên VBQPPL quy định sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp Trung ương				
1	1.003755	Cấp, cấp lại thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá	Thủy sản và Kiểm ngư	Điều 10, Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026	Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường
B	Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản và Kiểm ngư	Điều 19 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026	Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh đối với tàu cá
2	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản và Kiểm ngư	Điều 20 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026	Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh đối với tàu cá
3	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản và Kiểm ngư	Điều 21 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026	Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh đối với tàu cá
4	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản và Kiểm ngư	Điều 22 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026	Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh
5	1.004929	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần	Thủy sản và Kiểm ngư	Điều 25 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026	Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh
6	1.004694	Công bố mở cảng cá loại I, loại II	Thủy sản và Kiểm ngư	Điều 28 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

C Thủ tục hành chính cấp xã					
1	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	Thủy sản và Kiểm ngư	Điều 28 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026	Ủy ban nhân dân cấp xã
D Thủ tục hành chính do cơ quan khác thực hiện (Đã xã hội hóa)					
1	1.003590	Cấp Giấy chứng nhận thâm định thiết kế tàu cá	Thủy sản và Kiểm ngư	Điều 15 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026	Cơ sở đăng kiểm tàu cá
2	1.003563	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	Thủy sản và Kiểm ngư	Điều 16 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026	Cơ sở đăng kiểm tàu cá

2. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Tên VBQPPL quy định sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
B Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	1.004654	Công bố mở cảng cá loại I	Thủy sản và Kiểm ngư	Điều 28 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026	Cơ quan được Chủ tịch UBND cấp tỉnh

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

I. Tên thủ tục: Cấp, cấp lại thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá (Mã TTHC: 1.003755)

1. Trình tự, thủ tục

a) Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét quyết định cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá theo Mẫu số 04.ĐKV Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trường hợp không cấp, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Các thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp/cấp lại thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá theo Mẫu số 03.ĐKV Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Bản sao Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng I hoặc hạng II hoặc hạng III (đối với trường hợp cấp lần đầu);

c) 02 ảnh màu (3 x 4 cm) hoặc file ảnh màu gốc (trường hợp qua môi trường mạng).

4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá

8. Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 03.ĐKV Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 04.ĐKV Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá;

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ, DẤU KỸ THUẬT
ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI THẺ, DẤU KỸ THUẬT
ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ**

Kính gửi:.....

Họ và tên:.....; Nam/Nữ:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Địa chỉ :.....

Số CCCD/CC:.....

Nơi, ngày cấp:

Số điện thoại:.....; Email:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Đã tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng:

Giấy chứng nhận số:.....; ngày cấp:

Số hiệu đăng kiểm viên:; ngày cấp:

*Tôi xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật, đề nghị cấp
thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá hạng...*

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

**MẪU QUYẾT ĐỊNH CẤP THẺ, DẤU KỸ THUẬT
ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /QĐ-TSKN-.....

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

**QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá**

CỤC TRƯỞNG

Căn cứ Quyết định số...của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Căn cứ Thông tư số.../...../TT-BNNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về(ghi rõ tên thông tư);

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá hạng III cho... đăng kiểm viên...; Cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá hạng II cho...đăng kiểm viên...; Cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá hạng I cho...đăng kiểm viên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Thủ trưởng cơ sở đăng kiểm tàu cá có liên quan và ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

CỤC TRƯỞNG

...

- Lưu: VT,

1. Mẫu thẻ đăng kiểm viên tàu cá

Mặt trước

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
CỤC THỦY VÀ KIỂM NGƯ	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THẺ ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ	
 Ảnh 3x4	Họ và tên: Năm sinh: Số CCCD/CC: Chuyên môn: Hạng đăng kiểm viên Số hiệu đăng kiểm viên

Mặt sau

Được phép thực hiện việc kiểm tra, đánh giá trạng thái kỹ thuật tàu cá			
☐ Hàng năm;	☐ Định kỳ;	☐ Trên đà;	☐ Lần đầu;
☐ Bất thường;	☐ Giám định kỹ thuật, điều tra tai nạn.		
Hà Nội, ngày tháng năm 20..			
CỤC TRƯỞNG			

2. Mẫu dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá



Quy cách:

Dấu hình ôvan, có 03 vòng: vòng 1 có đường kính lớn 40 mm, đường kính nhỏ 26 mm, bề dày 0,2 mm; vòng 2 cách vòng 1 (về phía trong) bằng 0,5 mm, có bề dày 0,1 mm; vòng 3 cách vòng 2 (về phía trong) bằng 4 mm, có bề dày 0,1 mm.

Ở giữa là hình neo hải quân.

Giữa vòng 2 và 3 có dòng chữ “ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ”, bằng tiếng Việt ở trên, phông chữ Times New Roman cỡ 9 và dòng chữ “VIỆT NAM FISHING VESSEL REGISTER” bằng tiếng Anh, phông chữ Times New Roman cỡ 12 ở dưới;

Số hiệu đăng kiểm viên, gồm 6 chữ số: hai số đầu là số thứ tự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng kiểm viên thường trú theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026, số tiếp theo là hạng đăng kiểm viên, ba số còn lại là số thứ tự của thẻ được cấp cho đăng kiểm viên của đơn vị.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản (mã TTHC: 1.003650)

1. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp đăng ký tàu cá trên địa bàn làm thủ tục đăng ký, vào Sổ đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 và cấp Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá theo Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Các thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

3.1) Đối với tàu cá đóng mới gồm:

a) Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Bản chính Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

c) Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

d) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

đ) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên. Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

3.2) Đối với tàu cá cải hoán gồm:

a) Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên. Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

đ) Giấy chứng nhận cải hoán đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

e) Giấy chứng nhận đăng ký cũ.

3.3) Đối với tàu cá mua bán, tặng cho trong nước, gồm:

a) Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định;

đ) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;

e) Giấy chứng nhận xóa đăng ký đối với trường hợp mua bán ngoài tỉnh, thành phố;

3.4) Đối với tàu cá nhập khẩu, tặng cho, viện trợ, gồm:

a) Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên. Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

đ) Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá, đã qua sử dụng;

e) Bản sao có chứng thực Tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

3.5) Đối với tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, gồm:

a) Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

c) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên. Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

d) Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá, tàu công vụ thủy sản đã qua sử dụng;

đ) Bản sao có chứng thực Tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

e) Bản chính hợp đồng thuê tàu trần.

3.6) Đối với tàu cá trường hợp chủ tàu thay đổi nơi cư trú ngoài tỉnh, thành phố, gồm:

a) Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- b) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);
- c) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;
- d) Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

3.7) Đối với tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản đang hoạt động trước ngày Thông tư này có hiệu lực

a) Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02c.ĐK Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên. Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

8. Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 02a.ĐK Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 02c.ĐK Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ

thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:

Số CCCD/CC:.....

Số điện thoại:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Cảng đăng ký:

Thông số cơ bản của tàu (m): $L_{\max} = \dots\dots\dots$; $B_{\max} = \dots\dots\dots$; $D = \dots\dots\dots$

$L_{tk} = \dots\dots\dots$; $B_{tk} = \dots\dots\dots$; $d = \dots\dots\dots$

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, (DW):Số thuyền viên, người.....

Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ ĐỐI VỚI TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:

Số CCCD/CC:.....

Số điện thoại:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu

- Tên tàu:

- Công dụng:.....

- Chủ tàu:

- Khu vực nuôi trồng thủy sản:, theo giấy phép số:, ngày

Docấp.

Thông số cơ bản của tàu (m): L_{max} =.....; B_{max} =.....; D =.....

L_{tk} =.....; B_{tk} ...=.....; d =.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, (DW):Số thuyền viên, người.....

- Máy chính:

TT	Hãng/nước sản xuất	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

2. Nguồn gốc tàu⁽¹⁾ (ghi rõ tên, địa chỉ cơ sở nơi tàu được đóng mới hoặc tên địa chỉ chủ tàu bán, tặng, cho nếu tàu được mua, nhận tặng cho. Ghi rõ năm đóng mới, cải hoán hoặc mua, nhận tặng cho):

.....

- Hồ sơ kèm theo (nếu có), gồm:

- ☐ Giấy tờ mua bán theo quy định của pháp luật.
- ☐ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký cũ (đối với trường hợp mua, nhận tặng cho).

- Các giấy tờ hợp pháp khác

.....
 .

- Hiện tại tàu thuộc sở hữu của và không có tranh chấp với bất cứ tổ chức cá nhân nào về quyền sở hữu.

3. Tôi xin cam đoan

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai.

b) Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, không sử dụng tàu để tham gia hoạt động khai thác thủy sản./.

CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Áp dụng đối với tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản đang hoạt động chưa đăng ký

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /GCNXX

....., ngày... tháng ... năm 20..

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG

Tên sản phẩm:.....

Nơi đóng:.....

Địa chỉ:.....

Năm đóng:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm:

Thông số cơ bản của tàu: L_{max} =.....; B_{max} =.....; D =..... L_{tk} =.....; B_{tk} =.....; d =.....

Vật liệu vỏ:.....; cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc đóng mới, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /GCNXX

....., ngày...tháng...năm...

GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU

Tên sản phẩm:.....

Nơi cải hoán, sửa chữa:.....

Địa chỉ:.....

Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm.. đến ngày ... tháng ...năm...

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm phê duyệt thiết kế:

Thông số cơ bản trước cải hoán/sửa chữa (m): $L_{\max}=.....; B_{\max}=.....; D=.....$ $L_{tk} =.....; B_{tk}...=.....; d=.....$

Vật liệu vỏ:....., Cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Thông số cơ bản sau cải hoán/ sửa chữa (m): $L_{\max}=.....; B_{\max}=.....; D=.....$ $L_{tk} =.....; B_{tk}...=.....; d=.....$

Vật liệu vỏ:....., Cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc cải hoán/ sửa chữa, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA TÀU CÁ CÓ CHIỀU DÀI LỚN NHẤT DƯỚI 12 MÉT
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC...

....., ngày tháng ... năm 20...



BIÊN BẢN KIỂM TRA TÀU CÁ
(Tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét)

Tên tàu:....., Số đăng ký(*):

Nơi kiểm tra:.....

Theo yêu cầu:..... ; Ngày tháng năm.....

Của:.....

Chúng tôi gồm:.....

Đăng kiểm viên của:.....

Tiến hành kiểm tra và xác nhận tàu cá có đặc điểm cơ bản như sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Nơi đăng ký(*):

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Vật liệu vỏ:; Nghề kiêm:

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

.....

.....

Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản.

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**ĐĂNG KIỂM VIÊN**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Ghi trong trường hợp cải hoán.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**Số:...../ĐKTC
N⁰**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Indenpendence - Freedom - Happiness****GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ*****Technical and safety certificate of fishing vessel***

Tên tàu:..... Số đăng ký: Hồ hiệu:
Name of vessel..... *Registration number*..... *Call sign*.....
 Chủ tàu: (*Vessel's owner*) Quốc tịch: (*Flag*)
 Địa chỉ: (*Address*)
 Năm và nơi đóng: (*Year and Place of Build*)
 Công dụng (nghề): Vật liệu thân, vỏ:
Used for (fishing gear) *Materials*
 Tổng dung tích: Trọng tải toàn phần: Số thuyền viên:
Gross tonnage..... *Deadweight*..... *Number of crew*
 Chiều dài, L_{max}:(m) Chiều rộng, B_{max}:(m) Chiều cao mạn, D:(m)
Length overal..... *Breadth overal*..... *Draught*.....
 Chiều dài thiết kế, L_{tk}:(m) Chiều rộng thiết kế, B_{tk}:(m) Chiều chìm, d:(m)
Length..... *Breadth*..... *Depth*.....
 Tổng công suất máy chính, Ne (KW): Số lượng máy chính:
Total Power..... *Number of Engines*.....

TT	Ký hiệu máy <i>Type of machine</i>	Số máy <i>Number engines</i>	Công suất, Ne (kW) <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and Place of Build</i>

- Căn cứ vào quy phạm và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước và biên bản kiểm tra kỹ thuật số/ĐKTC, ngày tháng năm

Pursuant to the vessel's technical check minute no:..... dated on

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:*Fishing vessel register certify that*

- Trạng thái kỹ thuật của tàu: (*Technical state of the fishing vessel*)

- Cấp tàu <i>The class</i>	Không hạn chế <i>Unlimited</i>	Hạn chế I <i>Limitations I</i>	Hạn chế II <i>Limitations II</i>	Hạn chế III <i>Limitations III</i>

Được phép hoạt động tại:.....

Allowed to operate at.....

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: ngày tháng năm

This certificate is valid until Date.....

Cấp tại, ngàytháng.....năm.....

Issued at Date.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.

MẪU SỔ DANH BẠ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ**1. Mặt ngoài của trang bìa**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Số đăng ký:

Chủ tàu:.....

Số sổ:.....

Năm.....

Quy cách sổ:

- Kích thước: A5 (14,8 x 21) cm;
- Bìa nền màu đỏ, các trang nền màu trắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Số đăng ký:

Chiều dài tàu:

Nơi đăng ký:

Chủ tàu:; Điện thoại:

Ngày tháng năm sinh:; Số định danh cá nhân:

Nơi thường trú:.....

Sổ danh bạ này gồm 120 trang,
 được đánh số thứ tự từ 01 đến 120

.....Ngày tháng.....năm.....

CHI CỤC

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Năm.....

3. Trang 2

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ THUYỀN VIÊN

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Chức danh	Số văn bằng/ chứng chỉ	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
6						
...						
...						

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

..... Ngày tháng năm
XÁC NHẬN CỦA CHI CỤC
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

4. Trang 3 đến trang 18

THAY ĐỔI, BỔ SUNG DANH SÁCH THUYỀN VIÊN

TT	Thuyền viên được thay		Thuyền viên mới				Ghi chú
	Họ và tên	Chức danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Số văn bằng, chứng chỉ	
1							
2							
3							
4							
5							
6							
....							
....							

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

.....Ngày tháng.....năm.....
XÁC NHẬN CỦA BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

5. Trang 19 đến trang 120:

CHỨNG THỰC CỦA CƠ QUAN KIỂM TRA, KIỂM SOÁT

Rời cảng	Xuất bến
Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá: Ngày..... tháng năm Nội dung:..... Nhận xét: Tổ chức quản lý cảng cá <i>(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>	Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng: Ngày..... tháng năm Gồm:.....người (...Nam,...Nữ) Nhận xét: Trạm Kiểm soát Biên phòng <i>(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>
Cấp cảng	Nhập bến
Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá: Ngày..... tháng năm Nội dung:..... Nhận xét: Tổ chức quản lý cảng cá <i>(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>	Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng: Ngày..... tháng năm Gồm:.....người (...Nam,...Nữ) Nhận xét: Trạm Kiểm soát Biên phòng <i>(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>

II. Tên thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phụ vụ nuôi trồng thủy sản (Mã TTHC: 1.003634)

1. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp đăng ký tàu cá trên địa bàn cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Các thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

a) Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do;

c) Ảnh màu hai bên mạn tàu (9 x 12 cm).

4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

8. Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 07.ĐKT VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

**MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Kính gửi:

Họ tên người khai:.....

Thường trú tại:

Số CCCD/CC:.....

Số điện thoại:.....

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu:

Tên tàu:; Số đăng ký:

Năm, nơi đóng:.....

Nơi đăng ký:.....

Thông số cơ bản của tàu: $L_{\max}$ =; $B_{\max}$ =; D =

L_{tk} =; B_{tk} =; d =

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, tấn:Số thuyền viên, người.....

Nghề chính:Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Căn cước công dân	Giá trị cổ phần

3. Lý do đề nghị cấp lại:

Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là đúng sự thật.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

III. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản (Mã TTHC: 1.003586)

1. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá theo Mẫu số 09.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu công vụ thủy sản cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Các thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

a) Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá theo Mẫu số 08.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, hợp đồng đóng tàu, biên bản nghiệm thu xuất xưởng;

c) Bản sao có chứng thực các giấy tờ đối với tàu nhập khẩu, thuê tàu trần từ nước ngoài về cảng đầu tiên của Việt Nam, gồm: Văn bản cho phép nhập khẩu hoặc thuê tàu trần, hợp đồng đóng tàu và thanh lý hợp đồng đóng tàu đối với tàu

đóng mới, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật hoặc giấy chứng nhận phân cấp còn hiệu lực từ 06 tháng trở lên do tổ chức đăng kiểm nước có tàu cấp;

d) Ảnh màu hai bên mạn tàu (kích thước: 9 x 12 cm).

4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 08.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 09.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

Số lượng máy Tổng công suất.....
Number of engines Total Power

Kiểu máy <i>Type</i>	Số máy <i>Number</i>	Công suất <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and place of manufacture</i>

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

The name, address and value of shares of each ownership

TT	Họ và tên <i>Full name</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Số CCCD <i>Identification number</i>	Giá trị cổ phần <i>Equity value</i>

3. Lý do xin đăng ký tạm thời tàu:

Reasons to temporary registration of ship

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

I pledge to use the vessel in accordance with the registered content and strictly comply with the provisions of the law of the Vietnamese.

....., ngày tháng năm

Date.....

CHỦ TÀU

Shipowner

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(sign, full name and stamp)

Ghi chú (note):

* Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Chi cục có quản lý về thủy sản (the provincial fisheries management agency is the Sub-department of Fisheries)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**N^o**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ*****Certificate of temporary registration of import Fishing Vessel***

Chúng nhận tàu cá có các thông số dưới đây đã được đăng ký:

Hereby certifies that the fishing vessel with the following specifications has been temporarily registered

Tên tàu: <i>Name of Vessel</i>	Hồ hiệu: <i>Signal Letters</i>		
Chủ tàu: <i>Vessel owner</i>	Nơi thường trú: <i>Residential Address</i>		
Số CCCD/CC/ĐKKD <i>Identity card</i>	Công dụng (nghề): <i>Used for (fishing)</i>		
Tổng dung tích, GT: <i>Gross Tonnage</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i>		
Chiều dài L _{max} , m: <i>Length overall</i>	Chiều rộng B _{max} , m: <i>Breadth overall</i>		
Chiều dài thiết kế L _{tk} , m: <i>Length</i>	Chiều rộng thiết kế B _{tk} , m: <i>Breadth</i>		
Chiều cao mạn D, m: <i>Draught</i>	Chiều chìm d, m: <i>Depth</i>		
Kiểu tàu: <i>Type of Vessel</i>	Tốc độ tự do hl/h: <i>Speed</i>		
Vật liệu vỏ: <i>Materials</i>	Năm và nơi đóng: <i>Year and Place of Build</i>		
Số lượng máy: <i>Number of Engines</i>	Tổng công suất (kW): <i>Total power</i>		
Ký hiệu máy <i>Type of machine</i>	Số máy <i>Number engines</i>	Công suất (kW) <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and place of manufacture</i>
.....			
Nơi đăng ký: <i>Place Registry</i>	Cơ sở đăng kiểm tàu cá: <i>Register of Vessels</i>		
Số đăng ký: <i>Number or registry</i>	Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày <i>This certificate is valid until</i>		
	Cấp tại ..., ngàytháng...năm..... <i>Issued at Date</i>		
	THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU <i>(Ký tên/ký số và đóng dấu)</i>		

IV. Tên thủ tục: Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản (Mã TTHC: 1.003681)

1. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản bán, tặng, cho, thừa kế hoặc tàu công vụ thủy sản, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký theo Mẫu số 13.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trả hồ sơ đăng ký gốc của tàu và giấy chứng nhận đăng ký cũ đã cắt góc phía trên bên phải cho chủ tàu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản phá hủy, phá dỡ

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh tổ chức kiểm tra thực tế, lập biên bản xác minh tình trạng của tàu theo Mẫu số 11.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra thực tế, nếu xác định tàu đã được phá hủy, phá dỡ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu theo Mẫu số 13.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trả hồ sơ đăng ký gốc của tàu và giấy chứng nhận đăng ký cũ đã cắt góc phía trên bên phải cho chủ tàu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Đối với tàu cá Việt Nam xuất khẩu, viện trợ

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh đối chiếu Danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định. Trường hợp không thuộc danh sách tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định của Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 13.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trả hồ sơ đăng ký gốc của tàu và giấy chứng nhận đăng ký cũ đã cắt góc phía trên bên phải cho chủ tàu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

e) Đối với tàu bị chìm đắm do tai nạn không thể trục vớt, sau 30 ngày kể từ ngày tàu bị chìm đắm, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh lập biên bản xác nhận tình trạng của tàu theo Mẫu số 12.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 và xóa tên tàu trong Sổ đăng ký tàu.

g) Đối với tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của Tổ chức quản lý nghề cá khu vực bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy: chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản về việc tàu cá đã bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy (bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quốc gia bắt giữ, xử lý hoặc văn bản xác nhận của Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài), cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh xóa tên tàu cá trong Sổ đăng ký tàu và thông báo đến chính quyền địa phương nơi chủ tàu cư trú, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để đăng tải trên trang thông tin điện tử.

h) Đối với tàu cá được cơ quan đăng ký tàu cá thông báo tới chủ tàu cá, thông tin tìm kiếm trên phương tiện truyền thông 06 tháng nhưng không có thông tin: cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh xóa tên tàu trong Sổ đăng ký tàu và thông báo đến chính quyền địa phương nơi chủ tàu cư trú, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng để phối hợp quản lý; đồng thời gửi cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để đăng tải trên trang thông tin điện tử.

2. Các thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

Tờ khai xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 10.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản bán, tặng, cho, thừa kế: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định;

- Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản phá hủy, phá dỡ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định;

- Đối với tàu cá Việt Nam xuất khẩu, viện trợ: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định;

- Đối với tàu bị chìm đắm do tai nạn không thể trục vớt: 30 ngày kể từ ngày tàu bị chìm đắm;

- Đối với tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của Tổ chức quản lý nghề cá khu vực bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy: 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản về việc tàu cá đã bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy (bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quốc gia bắt giữ, xử lý hoặc văn bản xác nhận của Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài);

- Đối với tàu cá được cơ quan đăng ký tàu cá thông báo tới chủ tàu cá, thông tin tìm kiếm trên phương tiện truyền thông 06 tháng nhưng không có thông tin.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

8. Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 10.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 11.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 12.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 13.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

MẪU TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

**TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC
 VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN(*)**

Kính gửi:(1).....

Đề nghị xóa đăng ký...(2)... với các thông số dưới đây kể từ ngày .../.../20..

Kindly deregister the with the following particulars from date

Tên(3)..... Hô hiệu/số IMO:

Name

Call sign/IMO number

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ và tỉ lệ sở hữu):

Shipowner (name, address and ratio of ownership)

Người đề nghị xóa đăng ký (tên, địa chỉ):

Applicant (name, address)

Nơi đăng ký:

Place of registry

Số đăng ký:; Ngày đăng ký:

Number of registration

Date of registration

Cơ quan đăng ký:

The Registrar of ship

Lý do xin xóa đăng ký⁽⁴⁾

Reasons to deregister

Date....., ngày ... tháng ... năm...

CHỦ SỞ HỮU

Owner

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký *The ship Registration office*

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu cá, tàu công vụ thủy sản

Type of transport facility registration/registry (vessel, public service ship)

(3) Tên phương tiện (Name of transport facility)

(4) Ghi rõ lý do xóa đăng ký (phá dỡ, phá hủy, bán, tặng cho, xuất khẩu, ...)

Note the reason to deregister (demolish, destroy, sell, give away, export, ...).

(*) Xuất trình kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký cũ hoặc nộp bản cam kết nêu rõ lý do trong trường hợp bị mất.

(Please present the old registration certificate or submit a written statement explaining the reason in case of loss).

Mẫu số 11.ĐKT

MẪU BIÊN BẢN XÁC MINH TÌNH TRẠNG TÀU CÁ XÓA ĐĂNG KÝ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN XÁC MINH TÌNH TRẠNG TÀU CÁ XÓA ĐĂNG KÝ

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị xóa đăng ký tàu cá tại Tờ khai xóa đăng ký tàu cá ngàytháng ... năm 20 ... của chủ tàu.

Hôm nay, ngày tháng năm, chúng tôi gồm có:

Người thực hiện xác minh

1. Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản:
2. Đại diện Ủy ban nhân dân xã:
3. Chủ tàu cá:, số CCCD:

Cùng nhau kiểm tra và xác nhận như sau:

1. Tàu cá có đặc điểm cơ bản sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):

Năm, nơi đóng:

Nơi đăng ký:

Thông số cơ bản của tàu (m): L_{max} =.....; B_{max} =.....; D =.....

L_{tk} =.....; B_{tk} ...=.....; d =.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Vùng hoạt động:

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

3. Tình trạng tàu tại thời điểm kiểm tra

a) Phần thân tàu:

.....

b) Phần máy tàu:

.....

c) Phần trang thiết bị:

.....

4. Kết luận:

Tại thời điểm kiểm tra, tàu đã được (phá dỡ, phá hủy, không còn khả năng hoạt động):

.....

Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

.....

.....

.....

Biên bản kết thúc vào lúc ... ngày tháng năm 20...

CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ỦY BAN

NHÂN DÂN XÃ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

QUẢN LÝ THỦY SẢN

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 12.ĐKT

**MẪU BIÊN BẢN XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG TÀU CÁ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG TÀU CÁ CHÌM, ĐẢM DO TAI
NẠN KHÔNG THỂ TRỤC VỐT**

Hôm nay, ngày tháng năm, chúng tôi gồm có:

1. Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản:
2. Đại diện Ủy ban nhân dân xã:
3. Đại diện Trạm biên phòng:
4. Chủ tàu/đại diện chủ tàu:, số CCCD:

Cùng nhau xác nhận như sau:

1. Tàu cá có đặc điểm cơ bản sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Số đăng ký:

Nơi đăng ký:

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

3. Các thông tin khác về tàu (nếu có)

.....

4. Kết luận

Tại thời điểm kiểm tra, tàu đã chìm đắm do tai nạn không thể trục vớt.

Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

.....

.....

.....

Biên bản kết thúc vào lúc ... ngày tháng năm 20...

**CHỦ TÀU/ĐẠI
DIỆN CHỦ TÀU**

(Chữ ký/ký số -nếu có,
ghi rõ họ tên, đóng
dấu)

**ĐẠI DIỆN
BIÊN PHÒNG**

(Chữ ký/ký số -nếu
có, ghi rõ họ tên,
đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN ỦY BAN
NHÂN DÂN XÃ**

(Chữ ký/ký số -nếu có,
ghi rõ họ tên, đóng
dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
QUẢN LÝ THỦY
SẢN**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi
rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness



**GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU PHỤC VỤ NUÔI
TRỒNG THỦY SẢN**

Certificate of deregistration of Fishing Vessel/Ships serving aquaculture/()*

.....(1) Chúng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được xóa
đăng ký trong Sổ đăng ký tàu cá Việt Nam:

..... Hereby certify that the ship with the following particulars has been deregistered from the Viet Nam National ships registration book:

Tên(3)..... Hồ hiệu/Số IMO:

Name Call sign/IMO number

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu tàu):
 Owner (name, address, ratio of ownership)

Số GCN đăng ký:
Number of registration

Ngày đăng ký:
Date of registration

Cơ quan đăng ký:
The Registrar of ship

Người đề nghị (tên, địa chỉ):
Applicant (name, address)

Lý do xóa đăng ký(4).....
Reasons to deregister

Ngày có hiệu lực xóa đăng ký:
Date of deregist

Số đăng ký: Cấp tại , ngày tháng năm
Number of registration Issued at , on

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀI
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Full name, signature of duly authorized official

Ghi chú (Note):

(1) *Tên cơ quan đăng ký*
The ship Registration office

(3) Tên tàu
Name of transport facility

(2) Loại tàu đăng ký: Tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

Type of transport facility registration/registry (Fishing vessel, Ships serving aquaculture)

(4) Ghi rõ lý do xóa đăng ký
Note the reason to deregister

V. Tên thủ tục: Cấp phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần (Mã TTHC: 1.004929)

1. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp phép nhập khẩu tàu cá, cấp phép thuê tàu trần theo Mẫu số 02.NK Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trường hợp không cấp phép thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

2. Các thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

a) Đơn đề nghị nhập khẩu tàu cá theo Mẫu số 01.NK Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Hợp đồng nhập khẩu tàu cá hoặc hợp đồng thuê tàu trần và phải được dịch ra tiếng Việt;

c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá hoặc hồ sơ phân cấp tàu cá còn hiệu lực từ 06 tháng trở lên do tổ chức đăng kiểm của nước có tàu cấp và phải được dịch ra tiếng Việt;

d) Giấy xóa đăng ký tàu cá; giấy xác nhận tàu cá không vi phạm khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định của cơ quan có thẩm quyền đối với tàu cá đã qua sử dụng; hồ sơ gốc của tàu (bản vẽ thiết kế tàu, giấy tờ liên quan đến nguồn gốc vỏ, máy và các trang thiết bị trên tàu) và phải được dịch ra tiếng Việt.

4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhập khẩu tàu cá, cấp phép thuê tàu trần

8. Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01.NK Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 02.NK Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU TÀU CÁ

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp phép)

Người đề nghị (tên cá nhân hoặc tổ chức xin nhập khẩu tàu cá):

Số Giấy đăng ký kinh doanh (Thẻ căn cước/Căn cước công dân/mã số định danh cá nhân):.....

Nơi thường trú

Nội dung đề nghị và hình thức nhập khẩu tàu cá:

Mua tàu ☐ Thuê tàu trần ☐

Kê khai lý lịch của các tàu cá đề nghị nhập khẩu:

Tàu cá số 1:

Tên tàu: Vật liệu:.....

Kiểu tàu: Công dụng:

Năm và nơi đóng

Chủ tàu Quốc tịch:

Nơi thường trú

Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu cá:

Chiều dài lớn nhất $L_{\max}$ (m)..... Chiều dài thiết kế L_{tk} (m).....

Chiều rộng lớn nhất $B_{\max}$ (m)..... Chiều rộng thiết kế

Chiều cao mạn D (m)..... B_{tk} (m).....

Tổng dung tích.....(GT) Chiều chìm d (m).....

Số lượng máy Trọng tải(DW)

Tổng công suất (kW).....

Kiểu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo

Tàu số 2:

.....

.....

Tàu số 3:

.....

 Kính đề nghị: (Tên cơ quan cấp phép).....

Xét duyệt và chấp thuận (tên cá nhân hoặc tổ chức xin nhập khẩu tàu cá):

Được phép nhập khẩu các tàu cá (như đã nêu ở trên) để tiến hành hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
 dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

..., ngày ...tháng năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép nhập khẩu tàu cá

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Căn cứ Thông tư số/TT-BNNMT ngày tháng năm 20... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định.....;
Căn cứ Quyết định số/..... ngày tháng năm 20.. của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (Tên cơ quan cấp phép);
Căn cứ hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản;
Xét đơn đề nghị nhập khẩu tàu cá của (tổ chức, cá nhân):;
Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Cho phép (tổ chức, cá nhân)được nhập khẩu tàu cá với hình thức sau:

Mua tàu ☐

Thuê tàu trần ☐

Tên tàu:

Vật liệu:

Kiểu tàu:

Công dụng:

Năm và nơi đóng

Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu cá:

Chiều dài lớn nhất $L_{\max}$ (m)..... Chiều dài thiết kế L_{tk} (m).....

Chiều rộng lớn nhất $B_{\max}$ (m)..... Chiều rộng thiết kế B_{tk}

Chiều cao mạn D (m)..... (m).....

Tổng dung tích (GT)..... Chiều chìm d (m).....

Số lượng máy

Trọng tải toàn phần (DW) Tổng công suất (kW)

Kiểu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thủy sản và Kiểm ngư (để b/c);
- Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng;
- Cục Hải quan;
- UBND cấp xã nơi chủ tàu cá đăng ký hộ khẩu thường trú;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CẤP PHÉP**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

VI. Tên thủ tục: Công bố mở cảng cá loại I, loại II (Mã TTHC: 1.004694)

1. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức quản lý cảng cá nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hồ sơ; tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá (trong trường hợp cần thiết), khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định công bố mở cảng cá (đối với cảng loại I và cảng loại II) theo Mẫu số 02.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026. Trường hợp không công bố mở cảng cá, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành, cơ quan có thẩm quyền thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Các thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

a) Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 01.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Văn bản thành lập Tổ chức quản lý cảng cá;

c) Văn bản thể hiện quyền sử dụng vùng đất của cảng;

d) Biên bản nghiệm thu đã hoàn thành công trình đưa vào sử dụng cảng cá.

đ) Thông báo về luồng của cảng và vùng nước trước cầu cảng.

4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành

8. Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 02.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ MỞ CẢNG CÁ

Kính gửi:

Tổ chức quản lý cảng cá:

Địa chỉ trụ sở:.....

Số điện thoại:.....Email..... Tần số liên lạc.....

Đề nghị được công bố mở cảng cá với các thông tin như sau:

1. Tên cảng cá:Loại cảng cá:

2. Địa chỉ cảng cá:

3. Chiều dài cầu cảng (mét):

4. Tọa độ: Vĩ độ:N; Kinh độ:.....E

5. Độ sâu trước cầu cảng (mét)

6. Độ sâu vùng nước đậu tàu (mét):.....

7. Thông tin về luồng vào cảng cá:

- Tọa độ điểm đầu của luồng: Vĩ độ:.....N; Kinh độ:E;

- Độ sâu luồng (mét):; Chiều rộng luồng (mét):.....

8. Tổng diện tích vùng đất cảng (hecta):

9. Tổng diện tích vùng nước cảng (hecta):.....

10. Lượng hàng thủy sản (được thiết kế) qua cảng (tấn/năm):

11. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động (ngày/tháng/năm):

12. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

a)

b)

(Phương án khai thác cảng cá; danh mục các trang thiết bị chủ yếu phục vụ cho bốc dỡ hàng hóa đối với cảng cá loại I, II tại Phụ lục kèm theo đơn này).

Chúng tôi cam đoan và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về cảng cá và pháp luật khác có liên quan. Đề nghị quý cơ quan xem xét, công bố mở cảng cá.

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục

(Kèm theo Đơn đề nghị công bố mở cảng cá ngày ... tháng.....năm...)

A. PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC CẢNG CÁ

I. NHIỆM VỤ CẦN THỰC HIỆN

Tổ chức quản lý cảng cá cần bố trí đủ nhân sự thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

1. Điều độ, hướng dẫn, sắp xếp phương tiện ra, vào cảng, neo đậu trong vùng nước cảng cá
 - Bảo đảm có bộ phận tiếp nhận thông tin tàu cập cảng, lưu trữ thông tin, thông báo cho các bộ phận có liên quan;
 - Bảo đảm có bộ phận hướng dẫn tàu cập cảng, bố trí neo đậu, bốc dỡ sản phẩm...
2. Tổ chức thực hiện giám sát sản lượng bốc dỡ qua cảng
 - Thu nhận nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản của tàu cá vào cảng;
 - Trực tiếp giám sát sản lượng bốc dỡ qua cảng, lưu trữ dữ liệu;
 - Ghi biểu mẫu thống kê nghề cá thương phẩm; thống kê sản lượng thủy sản qua cảng;
 - Tổng hợp, báo cáo; lưu trữ dữ liệu theo quy định.....
3. Xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo quy định
Cấp giấy biên nhận, cấp Giấy xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản từ khai thác, lưu trữ dữ liệu.... (nếu có).
4. Phối hợp tham gia công tác kiểm tra, giám sát tại cảng cá
 - Bố trí văn phòng, trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tại cảng;
 - Cung cấp thông tin cho cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tàu cá tại cảng;
 - Cử người tham gia kiểm tra, giám sát....
5. Thông tin
Thông tin về tình hình thời tiết trên hệ thống thông tin của cảng cá; tổ chức trực ban và treo tín hiệu cảnh báo khi có thiên tai theo quy định; thông báo danh sách tàu cá, số người trên tàu đang neo đậu tại vùng nước cảng; tổng hợp, báo cáo theo quy định...
6. Duy tu, bảo dưỡng và duy trì điều kiện hoạt động của cảng
Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng cảng cá đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trong cảng và các nhiệm vụ khác được phân công....

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phân công rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân thuộc tổ chức quản lý cảng cá để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên Mục I.

III. NỘI DUNG KHÁC

.....

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Định kỳ hàng năm, 5 năm, tổ chức quản lý cảng cá tiến hành đánh giá kết quả thực hiện Phương án đã được phê duyệt, báo cáo các cơ quan có liên quan.

**B. DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ CHỦ YẾU PHỤC VỤ CHO BỐC DỠ
HÀNG HÓA (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CẢNG CÁ LOẠI I, II)**

TT	Tên trang thiết bị	Công suất/ năng lực	Cảng cá Loại
1	Cần cầu cố định hoặc di động		
2	Xe nâng hàng		
3	Băng tải		
4	Xe đẩy hàng		
5	Cầu xe nâng		
6	Phương tiện vận chuyển hàng hóa		
7	Trạm cân		
...	Khác		

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (*)

Số: .../QĐ-.....

Mẫu số 02.CC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố mở cảng cá

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM QUYỀN BAN HÀNH (*)

Căn cứ

Căn cứ

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mở cảng cá (tên cảng cá):

Địa chỉ:

Số điện thoại:EmailTần số liên lạc.....

1. Loại cảng cá (I, II):

2. Tọa độ vị trí của cảng cá: Vĩ độ:N; Kinh độ:E

3. Thông số kỹ thuật của cầu cảng:

a) Cầu cảng số 1:...

+ Vị trí điểm đầu của luồng, độ sâu, chiều rộng luồng vào cầu cảng:....

+ Chiều dài cầu cảng:

+ Độ sâu vùng nước trước cầu cảng (mét):

+ Độ sâu vùng nước đậu tàu:

+ Cỡ, loại tàu cá lớn nhất có thể cập cảng:

b) Cầu cảng số...

+ Vị trí điểm đầu của luồng, độ sâu, chiều rộng luồng vào cầu cảng:....

+ Chiều dài cầu cảng:

+ Độ sâu vùng nước trước cầu cảng (mét):

+ Độ sâu vùng nước đậu tàu:

+ Cỡ, loại tàu cá lớn nhất có thể cập cảng:

4. Thông tin luồng vào cảng:

- Tọa độ điểm đầu của luồng: Vĩ độ:.....N; Kinh độ:E;

- Độ sâu của luồng (mét):..... Chiều rộng luồng (mét):.....

5. Độ sâu vùng nước đậu tàu (mét):.....
6. Tổng diện tích vùng đất cảng (ha):
7. Tổng diện tích vùng nước cảng (ha):
8. Năng lực bốc dỡ hàng hóa (lượng hàng hóa theo thiết kế (tấn/năm):
9. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động:
10. Các dịch vụ nghề cá của cảng cá:
11. Tên tổ chức quản lý cảng cá (**):

Địa chỉ.....Điện thoại:.....Email:...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày

Điều 3, (*Tổ chức quản lý cảng cá*), Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
- Bộ NN&MT/Cục
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố mở cảng cá loại I và loại II;

(**): Ghi rõ tên tổ chức được giao quản lý cảng cá, trực thuộc cơ quan/đơn vị nào (nếu có).

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Tên TTHC: Công bố mở cảng cá loại III (Mã TTHC: 1.004478)

1. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức quản lý cảng cá nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét hồ sơ; tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá (trong trường hợp cần thiết), khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công bố mở cảng cá theo Mẫu số 02.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026. Trường hợp không công bố mở cảng cá, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành, cơ quan có thẩm quyền thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Các thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

a) Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 01.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Văn bản thành lập Tổ chức quản lý cảng cá;

c) Văn bản thể hiện quyền sử dụng vùng đất của cảng;

d) Biên bản nghiệm thu đã hoàn thành công trình đưa vào sử dụng cảng cá.

4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 02.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ MỞ CẢNG CÁ

Kính gửi:

Tổ chức quản lý cảng cá:

Địa chỉ trụ sở:.....

Số điện thoại:.....Email..... Tần số liên lạc.....

Đề nghị được công bố mở cảng cá với các thông tin như sau:

1. Tên cảng cá:Loại cảng cá:
2. Địa chỉ cảng cá:
3. Chiều dài cầu cảng (mét):
4. Tọa độ: Vĩ độ:N; Kinh độ:.....E
5. Độ sâu trước cầu cảng (mét)
6. Độ sâu vùng nước đậu tàu (mét):.....
7. Thông tin về luồng vào cảng cá:
 - Tọa độ điểm đầu của luồng: Vĩ độ:.....N; Kinh độ:E;
 - Độ sâu luồng (mét):; Chiều rộng luồng (mét):.....
8. Tổng diện tích vùng đất cảng (hecta):
9. Tổng diện tích vùng nước cảng (hecta):.....
10. Lượng hàng thủy sản (được thiết kế) qua cảng (tấn/năm):
11. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động (ngày/tháng/năm):
12. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:
 - a)
 - b)

Chúng tôi cam đoan và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về cảng cá và pháp luật khác có liên quan. Đề nghị quý cơ quan xem xét, công bố mở cảng cá.

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02.CC

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-.....

....., ngày tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố mở cảng cá

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ

Căn cứ

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mở cảng cá (tên cảng cá):

Địa chỉ:

Số điện thoại:EmailTần số liên lạc.....

1. Loại cảng cá (III):

2. Tọa độ vị trí của cảng cá: Vĩ độ:N; Kinh độ:E

3. Thông số kỹ thuật của cầu cảng:

a) Cầu cảng số 1:...

+ Vị trí điểm đầu của luồng, độ sâu, chiều rộng luồng vào cầu cảng:....

+ Chiều dài cầu cảng:

+ Độ sâu vùng nước trước cầu cảng (mét):

+ Độ sâu vùng nước đậu tàu:

+ Cỡ, loại tàu cá lớn nhất có thể cập cảng:

b) Cầu cảng số...

+ Vị trí điểm đầu của luồng, độ sâu, chiều rộng luồng vào cầu cảng:....

+ Chiều dài cầu cảng:

+ Độ sâu vùng nước trước cầu cảng (mét):

+ Độ sâu vùng nước đậu tàu:

+ Cỡ, loại tàu cá lớn nhất có thể cập cảng:

4. Thông tin luồng vào cảng:

- Tọa độ điểm đầu của luồng: Vĩ độ:.....N; Kinh độ:E;

- Độ sâu của luồng (mét):..... Chiều rộng luồng (mét):.....
 - 5. Độ sâu vùng nước đậu tàu (mét):.....
 - 6. Tổng diện tích vùng đất cảng (ha):
 - 7. Tổng diện tích vùng nước cảng (ha):
 - 8. Năng lực bốc dỡ hàng hóa (lượng hàng hóa theo thiết kế (tấn/năm):
 - 9. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động:
 - 10. Các dịch vụ nghề cá của cảng cá:
 - 11. Tên tổ chức quản lý cảng cá (*):
- Địa chỉ.....Điện thoại:.....Email:...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày

Điều 3, (*Tổ chức quản lý cảng cá*), Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
- Bộ NN&MT/Cục
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(*Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

Ghi chú:

(*) Ghi rõ tên tổ chức được giao quản lý cảng cá, trực thuộc cơ quan/đơn vị nào (nếu có).

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO CƠ QUAN KHÁC THỰC HIỆN (ĐÃ ĐƯỢC XÃ HỘI HÓA)

I. Tên TTHC: Thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản (mã TTHC: 1.003590)

1. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm tàu cá quy định Cơ sở đăng kiểm tàu cá loại I thẩm định hồ sơ thiết kế đóng mới, cải hoán, sửa chữa phục hồi tất cả các loại tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; cơ sở đăng kiểm tàu cá loại II thẩm định hồ sơ thiết kế đóng mới, cải hoán, sửa chữa phục hồi tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 24 mét; cơ sở đăng kiểm tàu cá loại III thẩm định hồ sơ thiết kế đóng mới, cải hoán, sửa chữa phục hồi tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 15 mét hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;

b) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ sở đăng kiểm tàu cá kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ;

c) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ sở đăng kiểm tàu cá xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung;

d) Trong thời hạn 20 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi), kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá tiến hành thẩm định thiết kế, nếu không đạt yêu cầu thì trả lời tổ chức, cá nhân; nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo Mẫu số 02.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 và ký, đóng dấu thẩm định vào tài liệu thiết kế;

đ) Cơ sở đăng kiểm tàu cá trả kết quả trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

2. Các thức thực hiện: Trực tiếp tại Cơ sở đăng kiểm tàu cá đủ điều kiện được công bố.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

a) Đơn đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế theo Mẫu số 01.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Hồ sơ thiết kế tàu (03 bộ).

4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi), kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm tàu cá đủ điều kiện được công bố

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

8. Phí, lệ phí (nếu có): Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 02.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/
TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU
PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN(*)

Kính gửi:

Đơn vị thiết kế:

Địa chỉ :

Điện thoại :Fax :Email :

Chúng tôi đề nghị được thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá/tàu công vụ thủy sản//tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản(*) với các thông tin như sau:

- Tên/Ký hiệu thiết kế:.....Loại/năm thiết kế:.....

- Các thông số chính của tàu :

+ Chiều dài: $L_{\max}$ (m):...; Chiều rộng: $B_{\max}$ (m):...; Chiều cao mạn: D (m):...

+ Trọng tải toàn phần (DW):..... ; Vật liệu thân tàu :

+ Ký hiệu máy chính :.....; Tổng công suất máy chính (kW).....

+ Số lượng máy (chiếc) :..... ; Số lượng thuyền viên:

+ Kiểu và công dụng của tàu:.....

+ Nghề chính(**):, Nghề kiêm (nếu có):.....

- Tên/địa chỉ chủ sử dụng thiết kế:.....

.....

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí thẩm định thiết kế theo quy định hiện hành.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú : (*) Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp,

(**) Áp dụng đối với tàu cá.

TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm



GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

Căn cứ()...và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước
Theo đề nghị thẩm định thiết kế số.....ngày....tháng....nămcủa.....*

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM.....
CHỨNG NHÂN

Tên thiết kế: Ký hiệu thiết kế:.....

Loại thiết kế: Năm thiết kế :

Công dụng: Vật liệu thân tàu :

Nghề chính^(*): Nghề kiêm (nếu có) :

Đơn vị thiết kế :

Kích thước cơ bản (m): L_{max}: ; B_{max}: ; D:.....

L_{tk}:; B_{tk}: ; d:

Tổng dung tích (GT):.....; Trọng tải toàn phần (DW):; Số thuyền viên:

Ký hiệu máy chính:

Tổng công suất máy chính (kW): Số lượng máy chính (chiếc):.....

Đã được thiết kế phù hợp với các yêu cầu của.....(**)...và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Cấp tàu: Vùng hoạt động:

Chủ sử dụng thiết kế:.....

Địa chỉ:

Hiệu lực của Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế này là 60 tháng kể từ ngày ký, nếu không có thay đổi thiết kế đã được thẩm định.

Những lưu ý:.....

Cán bộ thẩm định kỹ thuật:.....

Cấp tại ngày

Nơi nhân :

- Chủ thiết kế (02 bản);
- Đơn vị thẩm (01 bản);
- Lưu đơn vị thẩm định^(***).

TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích : (*) Áp dụng đối với tàu cá.
(**) : Ghi rõ quy phạm áp dụng.
(***) Kèm theo 01 hồ sơ thiết kế tàu.

II. Tên TTHC: Chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản (Mã TTHC: 1.003563)

1. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm tàu cá hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng;

b) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ sở đăng kiểm tàu cá kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ;

c) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ sở đăng kiểm tàu cá xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá có văn bản thông báo rõ cho tổ chức, cá nhân bổ sung;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra với tổ chức, cá nhân đề nghị;

đ) Cơ sở đăng kiểm tàu cá tiến hành giám sát an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan. Đối với vật liệu, máy móc, trang thiết bị quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026, theo tiến độ thi công, trước khi lắp đặt trên tàu, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật nộp Giấy chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy (bản sao và xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu) và xuất trình các tài liệu kèm theo (đối với vật liệu, máy móc, trang thiết bị sản xuất trong nước) hoặc nộp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, chứng nhận chất lượng và xuất trình tài liệu kỹ thuật hướng dẫn lắp đặt, sử dụng, sửa chữa thiết bị của nhà sản xuất (đối với vật liệu, máy móc, trang thiết bị nhập khẩu) hoặc nộp chứng nhận chế tạo, chứng nhận kiểm định theo quy định của pháp luật (bản sao và xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu);

e) Trường hợp máy chính là máy thủy đã qua sử dụng không đáp ứng theo quy định tại điểm đ khoản này thì phải được cơ sở đăng kiểm tàu cá kiểm tra, đánh giá theo Mẫu số 07.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

g) Trường hợp kết quả không đạt yêu cầu, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành giám sát kỹ thuật, cơ sở đăng kiểm tàu cá thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân; trường hợp kết quả đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra, cơ sở đăng kiểm tàu cá cấp cho chủ tàu các giấy tờ:

Biên bản kiểm tra kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 04a.BĐ đến Mẫu số 04o.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

Sổ đăng kiểm tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 06a.BĐ hoặc sổ đăng kiểm tàu công vụ thủy sản Mẫu số 06b.BĐ (đối với trường hợp kiểm tra đóng mới, lần đầu) Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

h) Cơ sở đăng kiểm tàu cá trả kết quả trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

2. Các thức thực hiện: Cơ sở đăng kiểm tàu cá đủ điều kiện được công bố.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 03.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Bản chụp hồ sơ thiết kế đã được thẩm định đối với trường hợp đóng mới, cải hoán (không áp dụng khi cơ sở đăng kiểm thực hiện giám sát kỹ thuật đồng thời là cơ sở thẩm định hồ sơ thiết kế).

4. Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra với tổ chức, cá nhân đề nghị; trường hợp kết quả đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra, cơ sở đăng kiểm tàu cá cấp cho chủ tàu các Biên bản kiểm tra kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 04a.BĐ đến Mẫu số 04o.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm tàu cá đủ điều kiện được công bố

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

8. Phí, lệ phí (nếu có): Thông tư số 94/2021/TT-BTC

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 03.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 04a.BĐ đến Mẫu số 04o.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 06a.BĐ hoặc sổ đăng kiểm tàu công vụ thủy sản Mẫu số 06b.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN (*)**

Kính gửi:

Họ tên người đề nghị:.....;

Địa chỉ:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:.....

Điện thoại.....Fax.....Email.....

Đề nghị cơ sở đăng kiểm kiểm tra(**)..... và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá/tàu công vụ thủy sản/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản(*)

Kích thước cơ bản (m): $L_{\max}$: ; $B_{\max}$: ; D:.....

L_{tk} :; B_{tk} : ; d:

Tổng dung tích (GT):.....; Trọng tải toàn phần (DW):; Số thuyền viên: ...

Ký hiệu máy chính:

Tổng công suất máy chính (kW): Số lượng máy chính (chiếc):.....

Thời gian và địa điểm đề nghị kiểm tra:

.....

.....
Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí đăng kiểm theo quy định hiện hành.

**CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU/CHỦ CƠ SỞ
ĐÓNG TÀU**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích: () Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.*

*(**) Ghi rõ: Kiểm tra đóng mới, lần đầu, định kỳ, trên đà, hàng năm hay bất thường.*

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT HÀNG NĂM/TRÊN ĐÀ**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC...

....., ngày tháng ... năm 20...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
HÀNG NĂM/TRÊN ĐÀ^(*)**

Tên tàu:	Công dụng (nghề):		
Số đăng ký:	Năm, nơi đóng:		
Chủ tàu:	Địa chỉ:		
Nơi kiểm tra:			
Theo yêu cầu kiểm tra hàng năm/trên đà ^(*) của			
Chúng tôi gồm: 1.			
2.			
3.			
Là đăng kiểm viên của			
Đã kiểm tra an toàn kỹ thuật hàng năm/trên đà ^(*) tàu nói trên và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Kết cấu thân tàu:			
- Phần vỏ:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần thượng tầng:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần sơn tàu (đánh dấu tàu):	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG			
Máy chính 1:			
Ký hiệu máy:	Vòng quay định mức (rpm):		
Công suất, (kW):	Số máy:		
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy chính 2:			
Ký hiệu máy:	Vòng quay định mức, rpm:		
Công suất, kW:	Số máy:		
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy chính....			
Máy phụ 1:			
Ký hiệu máy:	Vòng quay định mức, rpm:		
Công suất, kW:	Số máy:		
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Máy phụ 2:			
Ký hiệu máy:	Vòng quay định mức(rpm):		
Công suất, (kW):	Số máy:		
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy phụ.....			
C. HỆ TRỤC CHÂN VỊT			
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
D. CÁC TRANG THIẾT BỊ		Thoả mãn	Hạn chế
- Cứu sinh:			
- Tín hiệu:			
- VTĐ:			
- Hàng hải:			
- Neo:			
- Lái:			
- Trang thiết bị chữa cháy:			
- Chống thùng, chống chìm:			
- Khai thác:			
- Điện:			
- Lạnh:			
- Trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm biển:			
- Các trang thiết bị khác:			
TÓM TẮT VỀ KẾT QUẢ KIỂM TRA			
	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
1. Thân tàu :			
2. Máy chính, máy phụ:			
3. Các trang thiết bị:			
YÊU CẦU CỤ THỂ			
KẾT LUẬN			
Căn cứ vào kết quả kiểm tra, kết luận như sau:			
- Trạng thái kỹ thuật:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Vùng hoạt động:			
- Thời hạn đến hết ngày .../.../20..		Với điều kiện phải thực hiện các yêu cầu ứng với:	
Mạn khô,(m):; Trọng tải toàn phần, (DW):; Số thuyền viên, (người):.....			
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:			
Kết quả kiểm tra được ghi vào trang ...Sổ Đăng kiểm tàu cá/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.			
Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, Cơ sở đăng kiểm tàu cá 01 bản			

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**ĐĂNG KIỂM VIÊN**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngàytháng năm 20...



BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
Lần đầu/Định kỳ/Cải hoán^(*)

Tên tàu:	Công dụng (nghề):		
Số đăng ký:	Năm, nơi đóng:		
Chủ tàu:			
Địa chỉ:			
Nơi kiểm tra:			
Kích thước	L _{max} (m) :	B _{max} (m):	D (m):
	L _{TK} (m) :	B _{TK} (m):	d (m) :
Theo yêu cầu kiểm tra đóng mới (lần đầu)/định kỳ/cải hoán(*) của:			
Chúng tôi gồm:			
1.			
2.			
3.			
Là đảng kiểm viên của cơ sở đăng kiểm.....			
Đã kiểm tra an toàn kỹ thuật đóng mới (lần đầu)/định kỳ/cải hoán(*) tàu nói trên và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Kết cấu thân tàu:			
- Phần vỏ:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần thượng tầng:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần sơn tàu (đánh dấu tàu):	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Các tính năng kỹ thuật			
- Tốc độ tự do (hl/h):			
- Đường kính vòng quay trở: Quay phải (m):..... Thời gian (s):.....			
Quay trái (m):..... Thời gian (s):.....			
- Quán tính: Tiến, khoảng cách (m):..... Thời gian (s):.....			
Lùi, khoảng cách (m):..... Thời gian (s):.....			
B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG			
Máy chính 1:			
Ký hiệu máy:	Số máy:	Công suất (N _e , kW):	
Vòng quay định mức n _e (rpm):	Năm:	Nơi chế tạo:	
Kết quả kiểm tra	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Máy chính 2:			
Ký hiệu máy:	Số máy:	Công suất (N_e , kW):	
Vòng quay định mức n_e (rpm):	Năm:	Nơi chế tạo:	
Kết quả kiểm tra	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy chính.....			
Máy phụ 1:			
Ký hiệu máy:	Công suất, kW:	Số máy:	
Vòng quay định mức, rpm:	Năm:	Nơi chế tạo:	
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy phụ 2:			
Ký hiệu máy:	Công suất, kW:	Số máy:	
Vòng quay định mức, rpm:	Năm:	Nơi chế tạo:	
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy phụ.....			
C. HỆ TRỤC CHÂN VỊT			
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
D. CÁC TRANG THIẾT BỊ	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Cứu sinh:			
- Tín hiệu:			
- VTĐ:			
- Hàng hải:			
- Neo:			
- Lái:			
- Trang thiết bị chữa cháy:			
- Hút khô, chống thùng:			
- Khai thác:			
- Điện:			
- Lạnh:			
- Trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm biển:			
Các trang thiết bị khác:			
TÓM TẮT VỀ KẾT QUẢ KIỂM TRA			
	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
1. Thân tàu :			
2. Máy chính, máy phụ :			

3. Các trang thiết bị:			
YÊU CẦU CỤ THỂ			
KẾT LUẬN			
Căn cứ vào kết quả kiểm tra, kết luận như sau:			
- Trạng thái kỹ thuật	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Vùng hoạt động:			
- Thời hạn đến hết ngàytháng ... năm 20...với điều kiện phải thực hiện các yêu cầu ứng với:			
Mạn khô, m:; Trọng tải toàn phần,(DW):; Số thuyền viên, người:			
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:			
Kết quả kiểm tra được ghi vào trang Sổ Đăng kiểm tàu cá/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản			
Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản.			

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

ĐĂNG KIỂM VIÊN

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT TRƯỚC KHI CẢI HOÁN**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày tháng năm 20...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
TRƯỚC KHI CẢI HOÁN**

Tên tàu:		Công dụng (nghề):	
Số đăng ký:		Năm, nơi đóng:	
Chủ tàu:		Nơi kiểm tra:	
Địa chỉ:			
Thân tàu	$L_{\max}$ (m):..... ;	$B_{\max}$ (m):..... ;	D (m):.....
	L_{TK} (m):..... ;	B_{TK} (m):..... ;	d (m):.....
	Tổng dung tích (GT):	Trọng tải toàn phần (DW):	Vật liệu vỏ:
Máy chính	Ký hiệu:	Công suất định mức (kW):	Nơi chế tạo:
	Số máy:	Vòng quay định mức (v/p):	Năm chế tạo:
	...	...	...
Theo yêu cầu kiểm tra:(*)....., ngày tháng.....năm 20.... của.....			
Chúng tôi gồm:			
Đăng kiểm viên của:			
Đã kiểm tra tàu nói trên và đánh giá như sau:			

I. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẢI HOÁN**A. THÂN TÀU**

.....

.....

.....

B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG, HỆ TRỤC CHÂN VỊT

.....

.....

C. CÁC TRANG THIẾT BỊ

.....

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẢI HOÁN

.....

.....

.....

YÊU CẦU CỤ THỂ

.....

.....

KẾT LUẬN
.....
.....
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:
Biên bản này được lập 03 bản: chủ cơ sở đóng mới/cải hoán 01 bản, chủ tàu 01 bản, Cơ sở Đăng kiểm tàu cá 01 bản

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số-nếu có, ghi rõ họ tên,
đóng dấu-nếu có)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG

MỚI/CẢI HOÁN

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên,
đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Ghi chú : (*) Ghi rõ nội dung đề nghị cải hoán (vỏ, máy, nghề).

Mẫu số 04d.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT TRƯỚC KHI SỬA CHỮA**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày tháng năm 20...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
TRƯỚC KHI SỬA CHỮA**

Tên tàu:		Công dụng (nghề):	
Số đăng ký:		Năm, nơi đóng:	
Chủ tàu:		Nơi kiểm tra:	
Thân tàu	$L_{\max}$ (m):..... ;	$B_{\max}$ (m):..... ;	D (m):.....
	L_{TK} (m):..... ;	B_{TK} (m):..... ;	d (m):.....
	Tổng dung tích (GT):	Trọng tải toàn phần (DW):	Vật liệu vỏ:
Máy chính	Ký hiệu:	Công suất định mức (kW):	Nơi chế tạo:
	Số máy:	Vòng quay định mức (v/p):	Năm chế tạo:
	...	...	...
Theo yêu cầu kiểm tra:(*)....., ngày tháng.....năm 20.... của.....			
Chúng tôi gồm:			
Đăng kiểm viên của:			
Đã kiểm tra tàu nói trên và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Vỏ tàu:			
.....			
Khung xương:			
.....			
Phần thượng tầng:			
Phần sơn và kẻ đường nước, thước nước:			
B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG			
Máy chính:			
.....			
Máy phụ:			
.....			
Hệ thống phục vụ:			
C. HỆ TRỤC CHÂN VỊT			
Chân vịt:.....			
Trục chân vịt:.....			
Các chi tiết hệ trục:			
D. CÁC TRANG THIẾT BỊ			
Cứu sinh:			
Tín hiệu:			
Vô tuyến điện:			

Hàng hải:
Neo:
Lái (bánh lái, hệ trục, máy lái):
Trang thiết bị chữa cháy:
Hút khô, chống thủng:
Khai thác:
Điện:
Lạnh:
Trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm biển:
Các trang thiết bị khác:
NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA ĐĂNG KIỂM VIÊN
.....
.....
.....
YÊU CẦU CỤ THỂ
.....
.....
KẾT LUẬN
.....
.....
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:
Biên bản này được lập 03 bản: Chủ tàu 01 bản, chủ cơ sở sửa chữa 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ
 tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG TÀU
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ
 tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Ghi chú : (*) Ghi rõ nội dung sửa chữa (trên đà/định kỳ/bất thường).

Mẫu số 04đ.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA TÙNG PHẦN**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**BIÊN BẢN
KIỂM TRA TÙNG PHẦN**

Tên sản phẩm:.....
 Nơi đóng mới/cải hoán/sửa chữa.....
 Theo yêu cầu:..... ; Ngày tháng năm.....
 Của:.....;
 Chúng tôi gồm:.....
 Đăng kiểm viên của:.....
 Căn cứ vào hồ sơ thiết kế.....và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.
 Kiểm tra từng phần:

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA(*)

.....

YÊU CẦU CỤ THỂ

.....

KẾT LUẬN

.....

Họ tên, chữ ký của những người có mặt khi kiểm tra:

.....

Biên bản này được lập 03 bản ; chủ cơ sở đóng mới/cải hoán 01 bản, chủ tàu 01 bản, Đăng kiểm tàu cá 01 bản.

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
 (Chữ ký/ký số-nếu có, ghi rõ họ
 tên, đóng dấu-nếu có)

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG
 MỚI/CẢI HOÁN**
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ
 tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN()**

Ghi chú:

(*) Không giới hạn độ dài trang, cách ghi và cách biểu diễn bằng các bảng, hình vẽ kỹ thuật đối với nội dung và kết quả kiểm tra.

(**) ĐKV theo chuyên môn.

MẪU BIÊN BẢN THỬ NGHIỆM NGANG
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Số: /ĐKTC **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



....., ngày.....tháng.....năm 20....

BIÊN BẢN THỬ NGHIỆM NGANG

Tên sản phẩm:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thi công:.....

Phương pháp thử

☐ Ống thủy bình / ☐ Quả dọi

I. KÍCH THƯỚC CHÍNH CỦA TÀU

- Chiều dài lớn nhất	$L_{\max}$	=	 m
- Chiều dài hai trụ	L_{pp}	=	 m
- Chiều rộng lớn nhất	$B_{\max}$	=	 m
- Chiều rộng thiết kế	B_{tk}	=	 m
- Chiều cao mạn	D	=	 m
- Chiều chìm thiết kế	d	=	 m
- Lượng chiếm nước	Δ	=	 Tấn

II. THÀNH PHẦN THAM GIA THỬ

1. Đại diện đăng kiểm :

- -
 - -
 - -

2. Đại diện thiết kế :

- -
 - -

3. Đại diện nhà máy :

- -
 - -

4. Chủ tàu :

- -

III. THỜI GIAN THỬ

Từ.....giờ đến.....giờ....., Ngày..... thángnăm.....

IV. ĐỊA ĐIỂM THỬ

Tại :Độ sâu nơi thử :

V. THỜI TIẾT

- + Tạnh ráo, nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$
- + Tỷ trọng nước:tấn/ m^3
- + Tốc độ gió: trước, trong và sau khi thử: m/s
- + Tốc độ dòng chảy:m/s

VI. ĐỘ NGHIÊNG BAN ĐẦU

VII. MÓN NƯỚC CỦA TÀU TRƯỚC VÀ SAU KHI THỬ

Món nước (đo tại thước nước)	Mạn trái (m)		Mạn phải (m)	
	Mũi tàu	Lái tàu	Mũi tàu	Lái tàu
- Trước khi thử				
- Sau khi thử				

VIII. GỐC TỌA ĐỘ

- Góc tọa độ của tàu tại :

IX. KHỐI LƯỢNG VẬT DẪN

- Là **04** vị trí vật dẫn: tổng khối lượng là.....kg, chia thành **04** nhóm và được đặt trên.....ở các vị trí sau:

Số nhóm vật dẫn	Vị trí các nhóm vật dẫn	Trọng lượng, P (Kg)	Tay đòn dịch chuyển, Xi (m)	Chiều cao trọng tâm tính từ ĐCB, Zi (m)
I				
II				
III				
IV				

- Sai số khi cân mỗi nhóm: $\Delta P = \dots\dots\dots$ Kg

X. THỨ TỰ DI CHUYỂN CÁC NHÓM VẬT DẪN GÂY NGHIÊNG

- Sai số của khoảng cách di chuyển $\Delta Li = \dots\dots\dots$ mm

Thứ tự di chuyển	Số nhóm vật dẫn		Khoảng cách di chuyển vật dẫn (Li)
	Mạn trái	Mạn phải	
0			
1			
2			
3			
.....			

XI. TRỌNG LƯỢNG THỬ

TT	Tên gọi trọng lượng	Vị trí	Trọng lượng, P (Tấn)	Tọa độ (m)		
				X _g	Y _g	Z _g
1	Nhóm vật dẫn I					
2	Nhóm vật dẫn II					
3	Nhóm vật dẫn III					
4	Nhóm vật dẫn IV					
5	Người vận chuyển vật dẫn					
6	Nhóm đọc, ghi dọi (ống thủy bình) 1					
7	Nhóm đọc, ghi dọi (ống thủy bình) 2					
8	Thùng nước 1					
9	Thùng nước 2					
10	Chỉ huy thử					
11	Giám sát					
12	Dầu máy					
13	...					

XII. TRỌNG LƯỢNG THIỂU

T T	Tên gọi trọng lượng	Vị trí	Trọng lượng, P (Tấn)	Tọa độ (m)		
				X _g	Y _g	Z _g
1						
2						
....						

XIV BẢNG GHI ĐỘ LỆCH CỦA ỐNG THỦY BÌNH

a. Ống thủy bình mũi: Vị trí đặt ống thủy bình :

Khoảng cách giữa 2 đầu ống :(m)

Mạn phải :

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
....										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

Mạn trái :

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

b. Ống thủy bình lái :

Vị trí đặt ống thủy bình :Khoảng cách giữa 2 đầu ống :(m)

Mạn phải :

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

Mạn trái:

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

XV. BẢNG GHI ĐỘ LỆCH CỦA QUẢ DỌI

a. Quả dọi mũi: Vị trí đặt quả dọi : Chiều dài dây dọi :(m)

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	I		II		III		IV		V	
	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

b. Quả dọi lái: Vị trí đặt quả dọi : Chiều dài dây dọi :(m)

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	I		II		III		IV		V	
	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải
0										
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

c. Quả dọi giữa: Vị trí đặt quả dọi : chiều dài dây dọi :(m)

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	I		II		III		IV		V	
	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải
1										
2										
....										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

**CHỦ TÀU/ĐẠI
DIỆN CHỦ TÀU**
(Chữ ký/ký số -nếu có,
ghi rõ họ tên, đóng
dấu)

**CƠ SỞ ĐÓNG
TÀU**
(Chữ ký/ký số -nếu có,
ghi rõ họ tên, đóng
dấu)

THIỆT KẾ
(Chữ ký/ký số -nếu
có, ghi rõ họ tên,
đóng dấu)

**ĐĂNG KIỂM
VIÊN**

Mẫu số 04g.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẠY THỬ MÁY CHÍNH TẠI BẾN
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm 20...



BIÊN BẢN KIỂM TRA
CHẠY THỬ MÁY CHÍNH TẠI BẾN(*)

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Ký hiệu máy:; Số máy :.....

Công suất N_e , kW:; Vòng quay định mức n_e , rpm:

Nơi sản xuất :; Năm sản xuất : ...

Số TT	Chế độ thử		Vòng quay máy (rpm)	Thời gian (min)	áp lực dầu bôi trơn kg/cm ²	Nhiệt độ dầu bôi trơn, °C	Nhiệt độ nước làm mát, °C		Nhiệt độ khí xả, °C	áp lực dầu hộp số kg/cm2	Nhiệt độ dầu hộp số, °C
	% Công suất N _e	ứng với % n _e					Vòng trong	Vòng ngoài			
1	Chạy không tải			15							
Chạy tiến											
2	39	50		15							
3	63	63		15							
4	83	73		15							
5	100	82		2÷4h							
Chạy lùi											
6	85	75		15							
7	Chạy ở vòng quay ổn định nhỏ nhất		Theo thực tế	15							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN HẰNG MÁY/CƠ SỞ CUNG CẤP/SỬA CHỮA
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Ghi chú: (*) Không áp dụng đối với tàu cá vỏ gỗ. Đăng kiểm xem xét áp dụng quy trình thử của hãng máy trong trường hợp hãng máy đã công bố quy trình thử.

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Mẫu số 04h.BĐ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm 20...



BIÊN BẢN THỬ TÀU
(Thử đường dài – xuất xưởng)

Tên tàu:.....; Ký hiệu thiết kế:.....

Chủ tàu:.....

Nơi thường trú:.....

Nơi đóng:.....; Năm đóng:.....

Cơ sở đăng kiểm:.....

Tàu đã hoàn thành các bước kiểm tra kỹ thuật và thử tại bến, nay đủ điều kiện thử đường dài.

Khu vực tiến hành cuộc thử :

Trong điều kiện thời tiết:, Độ sâu, mét:

Hướng dòng chảy:, Cấp gió, Bôfo:

A. THÀNH PHẦN THỬ TÀU GỒM:**1. Đại diện Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....****2. Đại diện chủ tàu:.....****3. Đại diện cơ sở đóng, sửa tàu:.....***** Điều khiển tàu :** Ông.....bằng T. trưởng số:.....

Ngày cấp bằng:.....; Nơi cấp:.....

*** Phụ trách máy:** Ông..... bằng M. trưởng số:.....

Ngày cấp bằng:.....; Nơi cấp:.....

Cùng thủy thủ đoàn theo đúng quy định thử tàu.

Tàu chạy thử trong điều kiện đủ phao cứu sinh, dụng cụ chống cháy, chống thùng và các yêu cầu khác, đảm bảo hoạt động, sinh hoạt trong thời gian thử tàu.

B. KẾT QUẢ THỬ TÀU**1. Thân tàu:** Đã thử các tính năng (có bảng kết quả kèm theo) và nhận thấy:

.....

2. Máy chính và các hệ thống phục vụ máy chính hoạt động :

Nhãn hiệu máy:.....; Công suất, kW:.....; Vòng quay định mức, rpm:.....

Kiểu hộp số:.....; i =

3. Máy phụ:

Nhãn hiệu máy:.....; Công suất, kW:.....; Vòng quay định mức, rpm:.....

Kết quả kiểm tra mục 2 và 3 (có bảng kết quả kèm theo):

.....

4. Hệ trục chân vịt :

Số lượng:.....; Vật liệu trục:.....; đường kính trục (mm) :.....

Chân vịt: D =, mm; Z = ; H/D =, n_{cv} =rpm, θ =

Chiều quay (nhìn từ lái):.....

Kết quả kiểm tra :.....

5. Hệ thống lái, neo:

Kiểu lái:.....; Truyền dẫn lái:.....; lái dự phòng :.....

Tời neo, kiểu:.....; Số lượng neo:.....chiếc
 Trọng lượng (kg/chiếc):..... ; dây neo, dài:.....m
 Đường kính dây neo, $f =$ mm
 Kết quả kiểm tra mục 4 và 5 (có bảng kết quả kèm theo):

6. Trang bị cứu sinh:

* Phao bè, kiểu, *cái*:.....; Dụng cụ nổi, *cái*:
 Phao tròn, *cái*:.....; Phao áo, *cái*:.....
 * Xuồng cấp cứu, kiểu, *cái*:.....
 Kết quả kiểm tra:

7. Trang bị tín hiệu:

* Đèn tín hiệu: Đèn hành trình (*mạn, cột, lái*).....
 * Đèn đánh cá: Xanh:; Trắng:.....; Đỏ:
 Đèn nháy (màu vàng):.....Đèn pha:
 * Đèn neo (trắng):.....; Đèn "mất khả năng điều động" (màu đỏ), *cái*:.....
 * Âm hiệu : Còi, kiểu, *cái*:....; Chuông, kiểu, *cái*:.....; Pháo hiệu, *cái*:.....
 * Vật hiệu: Hình cầu, *cái*:.....; Hình nón, *cái*:.....;Hình thoi, *cái*:.....
 Kết quả kiểm tra:

8. Trang bị hàng hải:

* La bàn lái, kiểu, *cái*:.....; ống nhòm, *cái*:.....
 * Ra đa hàng hải, kiểu:.....; số máy:.....
 * Định vị vệ tinh, kiểu:.....; số máy:.....
 * Lò cá, đo sâu, kiểu:.....; số máy:.....
 * Đèn tín hiệu ban ngày:
 Kết quả kiểm tra:

9. Thiết bị VTĐ:

* Máy thu, phát VTĐ, kiểu:..... ;Công suất, W :.....; số máy:.....
 * Máy đàm thoại sóng ngắn 02 chiều, kiểu:..... ;Công suất, W :.....
 * Các máy VTĐ khác:.....
 Kết quả kiểm tra:

10. Máy khai thác:

* Loại máy:.....; Sức kéo định mức, kg :.....
 Năm, nơi chế tạo:.....
 * Hệ thống động lực dẫn động:.....; Công suất (kW):.....
 * Dụng cụ đánh bắt khác:.....
 * Hệ thống tăng gông:.....
 * Hệ thống ánh sáng (tổng công suất, kW):.....
 Loại đèn, số lượng (*cái*): :.....

11. Hệ cầu:

* Cầu cầu, kiểu:.....; Tầm với, m:..... Sức nâng, kg :.....
 * Pa lăng (*cái*):; Tải trọng (kW):.....; Ròng rọc (*cái*):.....
 Kết quả kiểm tra mục 10, 11:

12. Thiết bị điện:

* Máy phát điện, kiểu:.....; Vòng quay $n_e(rpm)$:.....

Công suất, kW:.....; Điện áp (V):.....
 * Động cơ điện, kiểu:.....; Vòng quay $n_e(rpm)$:.....
 Công suất, kW:.....; Điện áp (V):.....
 * Ấc quy, kiểu:.....; Dung lượng (A/h):.....
 Công suất, kW:.....; Điện áp (V):.....
 Số lượng bình:
 Kết quả kiểm tra:

13. Hệ thống đường ống:

Kết quả kiểm tra:

14. Trang thiết bị chữa cháy:

* Bơm chữa cháy, kiểu bơm:.....; Sản lượng:.....
 Các thiết bị khác:
 Kết quả kiểm tra:

15. Trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm biển:

Kết quả kiểm tra:

16. Thiết bị lạnh:

* Thiết bị lạnh, kiểu máy:.....; Công suất:.....
 Kết quả kiểm tra:

17. Tính năng kỹ thuật của tàu: (có bảng kết quả kèm theo)

* Tốc độ tự do trung bình (hl/h):
 * Đường kính vòng quay trở: Trái (m) :.....; Thời gian (s):.....
 Phải (m) :.....; Thời gian (s):.....
 * Quán tính: Tiến, khoảng cách (m) :.....; Thời gian (s):.....
 Lùi, khoảng cách(m) :.....; Thời gian, (s):.....

C. KẾT LUẬN

Chúng tôi nhất trí đánh giá :.....

Biên bản này được đọc cho mọi người cùng nghe.

Biên bản được lập thành 04 bản: Đăng kiểm 01 bản, chủ tàu 01 bản, cơ sở đóng tàu 02 bản

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ
 họ tên, đóng dấu)

**CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN
CHỦ TÀU**
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi
 rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG
MỚI, CẢI HOÁN TÀU**
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên,
 đóng dấu)

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO TỐC ĐỘ TÀU**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm...

**BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO TỐC ĐỘ TÀU**

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Kích thước chính ($L_{\max}$ x $B_{\max}$ x D):

Chiều chìm d, m:; mạn khô f, m:

TTT	Vòng quay máy chính, n_e (rpm)	Công suất máy chính, N_e (kW)	Tốc độ tàu (hl/h)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió	Trạng thái mặt nước (cấp sóng)	Ghi chú
1							
2							
3							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

.....

.....

.....

.....

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN**CHỦ TÀU**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO QUÁN TÍNH TÀU**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm...

**BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO QUÁN TÍNH TÀU**

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Kích thước chính ($L_{\max}$ x $B_{\max}$ x D):

Chiều chìm d, m:; mạn khô f, m:

TTT	Chế độ	Quãng đường tàu trượt theo quán tính (m, hoặc $L_{\max}$)	Thời gian trượt theo quán tính (s)	Ghi chú
1	Tàu chạy tiến toàn tốc, ngừng máy (stop) → khi tàu dừng (100% công suất)			
2	Tàu chạy tiến toàn tốc, ngừng máy (stop), lùi nhanh → khi tàu dừng (100% công suất)			
3	Tàu chạy lùi toàn tốc, ngừng máy(stop) → khi tàu dừng (100% công suất)			

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN
CHỦ TÀU**
(Chữ ký/ký số -nếu có,
ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU
(Chữ ký/ký số -nếu có,
ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Mẫu số 041.BĐ

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO TÍNH NĂNG QUAY TRỞ CỦA TÀU**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm ...

**BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO
TÍNH NĂNG QUAY TRỞ CỦA TÀU**

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Kích thước chính ($L_{\max}$ x $B_{\max}$ x D):

Chiều chìm d, m:; mạn khô f, m:

TTT	Hướng quay	Vòng quay máy chính (rpm)	Công suất máy chính, kW	Cấp gió và hướng gió (bofo)	Đường kính vòng lượn (m)	Thời gian lượn vòng (s)	Góc nghiêng ngang khi lượn (độ)	Ghi chú
1	Phải							
2	Trái							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

.....

.....

.....

.....

**CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN
CHỦ TÀU**
(Chữ ký/ký số -nếu có,
ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU
(Chữ ký/ký số -nếu có,
ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Mẫu số 04m.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẠY THỬ MÁY CHÍNH ĐƯỜNG DÀI**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm ...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
CHẠY THỬ MÁY CHÍNH ĐƯỜNG DÀI(*)**

Tên tàu : ; Ký hiệu thiết kế :

Ký hiệu máy : ; Số máy :

Công suất N_e , kW : ; Vòng quay định mức n_e , rpm:

Nơi sản xuất : ; Năm sản xuất :

Số TT	Chế độ thử		Vòng quay máy (<i>rpm</i>)	Thời gian (min)	áp lực dầu bôi trơn kg/cm ²	Nhiệt độ dầu bôi trơn, °C	Nhiệt độ nước làm mát, °C		Nhiệt độ khí xả, °C	áp lực dầu hộp số kg/cm ²	Nhiệt độ dầu hộp số, °C
	% Công suất N _e	ứng với % n _e					Vòng trong	Vòng ngoài			
1	Chạy không tải			15							
Chạy tiến											
2	25	63		15							
3	50	80		15							
4	75	91		15							
5	100	100		4÷6h							
6	110	103		15							
Chạy lùi											
7	100	100		15							
8	Chạy ở vòng quay ổn định nhỏ nhất		Theo thực tế	15							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

**CHỦ TÀU/ĐẠI
DIỆN CHỦ TÀU****CƠ SỞ ĐÓNG
TÀU****ĐẠI DIỆN HÃNG/CƠ
SỞ CUNG CẤP/SỬA
CHỮA MÁY****ĐĂNG KIỂM VIÊN**(Chữ ký/ký số -nếu
có, ghi rõ họ tên,
đóng dấu)(Chữ ký/ký số -nếu
có, ghi rõ họ tên,
đóng dấu)(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ
họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Đăng kiểm xem xét áp dụng quy trình thử của hãng máy trong trường hợp hãng máy đã công bố quy trình thử.

Mẫu số 04n.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẠY THỬ MÁY PHỤ LAI MÁY PHÁT ĐIỆN
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm 20..



BIÊN BẢN KIỂM TRA
CHẠY THỬ CỤM MÁY PHỤ LAI MÁY PHÁT ĐIỆN(*)

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Ký hiệu máy:; Số máy :.....

Công suất N_e , kW:; Vòng quay định mức n_e , rpm:

Nơi sản xuất :; Năm sản xuất :

TT	Chế độ thử		Vòng quay máy (rpm)	Thời gian (min)	áp lực dầu bôi trơn kg/cm ²	Nhiệt độ dầu bôi trơn °C	Nhiệt độ nước làm mát, °C	Công suất máy phát (kW)	Dòng điện (A)	Điện áp (V)	Tần số (Hz)
	% Công suất N _e	ứng với % n _e									
1	Chạy không tải			15							
Chạy có tải											
2	50	80		15							
3	75	91		30							
4	100	100		60							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

**CHỦ TÀU/ĐẠI
DIỆN CHỦ
TÀU**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN HÃNG/CƠ
SỞ CUNG CẤP/SỬA
CHỮA MÁY**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Ghi chú: (*)- Đăng kiểm xem xét áp dụng quy trình thử của hãng máy trong trường hợp hãng máy đã công bố quy trình thử.

- Thử hòa đồng bộ các máy phát, đồng thời thử hoạt động các hệ thống, trang thiết bị, như: Trang thiết bị an toàn, khai thác, hút khô – dẫn, cứu hỏa, lái, neo...

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ THỬ THIẾT BỊ NEO**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**BẢNG GHI KẾT QUẢ THỬ THIẾT BỊ NEO**

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Kiểu neo:; Số lượng, chiếc:.....

Trọng lượng, kg/chiếc:

Kiểu tời neo:; Chiều dài dây neo, m:.....

TT	Chế độ thử	Độ sâu nơi đậu (m)	Chiều dài dây neo thả xuống (m)	Tốc độ kéo neo (m/min)		Ghi chú
				1 neo	2 neo	
1	Thả neo					
2	Kéo neo					

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN
CHỦ TÀU
 (Chữ ký/ký số -nếu có,
 ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU
 (Chữ ký/ký số -nếu có,
 ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Mẫu số 04p.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA TÀU CÁ CÓ CHIỀU DÀI LỚN NHẤT DƯỚI 12 MÉT**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC...

....., ngày tháng ... năm 20...


BIÊN BẢN KIỂM TRA TÀU CÁ
(Tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét)

Tên tàu:....., Số đăng ký(*):

Nơi kiểm tra:.....

Theo yêu cầu:.....; Ngày tháng năm.....

Của:.....

Chúng tôi gồm:.....

Đăng kiểm viên của:.....

Tiến hành kiểm tra và xác nhận tàu cá có đặc điểm cơ bản như sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Nơi đăng ký(*):

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Vật liệu vỏ:; Nghề kiếm:

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

.....

.....

Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản.

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
ĐĂNG KIỂM VIÊN

Ghi chú: (*) Ghi trong trường hợp cải hoán.

Mẫu số 05.BĐ

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ
THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số:...../ĐKTC N⁰ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ
THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN(*)
Technical and safety certificate of fishing vessel/ships duty fisheries/ships
serving aquaculture (*)**

Tên tàu:..... Số đăng ký: Hồ hiệu:
Name of vessel..... *Registration number*..... *Call sign*.....
 Chủ tàu: (*Vessel's owner*)..... Quốc tịch: (*Flag*).....
 Địa chỉ: (*Address*).....
 Năm và nơi đóng: (*Year and Place of Build*).....
 Công dụng (nghề): Vật liệu thân, vỏ:
Used for (fishing gear)..... *Materials*.....
 Tổng dung tích: Trọng tải toàn phần: Số thuyền viên:
Gross tonnage..... *Deadweight*..... *Number of crew*.....
 Chiều dài, L_{max}:(m) Chiều rộng, B_{max}:(m) Chiều cao mạn, D:(m)
Length overall..... *Breadth overall*..... *Draught*.....
 Chiều dài thiết kế, L_{tk}:(m) Chiều rộng thiết kế, B_{tk}:(m) Chiều chìm, d:(m)
Length..... *Breadth*..... *Depth*.....
 Tổng công suất máy chính, Ne (KW): Số lượng máy chính:.....
Total Power..... *Number of Engines*.....

TT	Ký hiệu máy <i>Type of machine</i>	Số máy <i>Number engines</i>	Công suất, Ne (kW) <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and Place of Build</i>

- Căn cứ vào quy phạm và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước và biên bản kiểm tra kỹ thuật số/ĐKTC, ngày tháng năm

Pursuant to the vessel's technical check minute no:..... dated on

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:

Fishing vessel register certify that

- Trạng thái kỹ thuật của tàu: (*Technical state of the fishing vessel*).....

- Cấp tàu <i>The class</i>	Không hạn chế <i>Unlimited</i>	Hạn chế I <i>Limitations I</i>	Hạn chế II <i>Limitations II</i>	Hạn chế III <i>Limitations III</i>

Được phép hoạt động tại:.....

Allowed to operate at.....

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: ngày tháng năm

This certificate is valid until Date.....

Cấp tại, ngàytháng.....năm.....

Issued at Date.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.

MẪU SỔ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**SỔ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ/TÀU PHỤC VỤ
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN(*)**

Số sổ:/20.../ ĐKTC

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG SỔ

- Sổ đăng kiểm tàu cá/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản^(*) được lập trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật của tàu, các trang thiết bị lắp đặt trên tàu và kết quả giám sát kỹ thuật của Đăng kiểm tàu cá trong đóng mới, lần đầu. Các thông số kỹ thuật thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.
 - Trạng thái kỹ thuật của tàu theo chu kỳ phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra và xác nhận vào sổ này.
 - Sổ đăng kiểm tàu cá dùng trong suốt đời con tàu để ghi các thông số chính bao gồm cấp tàu, mạn khô, trang thiết bị, tổng dung tích.
 - Những thay đổi (nếu có) của tàu và các trang thiết bị lắp đặt trên tàu phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra, xác nhận cho đến khi tàu không còn được sử dụng (giải bản, chìm đắm không thể trục vớt).
 - Sổ Đăng kiểm tàu cá/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản^(*) phải được lưu giữ trên tàu cùng với Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và các biên bản kiểm tra kỹ thuật do Đăng kiểm tàu cá cấp.
- Cấp tại.....ngày.....tháng.....năm.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TÀU

Kiểu tàu: Năm đóng:

Nơi đóng:

Công dụng (nghề):.....

Số lượng thuyền viên:

THÂN TÀU

Kích thước L_{max} , :.....; B_{max} , m :..... ; D , m :.....
 L_{TK} , m :..... ; B_{TK} , m :..... ; d , m :.....

Tổng dung tích (GT).....; Mạn khô f , m :

Trọng tải toàn phần (DW): ...; Vật liệu vỏ:`.....

Hệ thống kết cấu:; Tốc độ tàu :hl/h.

MÁY CHÍNH

Các thông số kỹ thuật chủ yếu Máy số 1 Máy số 2 Máy số 3

Ký hiệu máy:

Số máy:

Công suất định mức N_e , KW

Vòng quay định mức n_e , v/ph

Nơi chế tạo:

Năm chế tạo:

Kiểu hộp số:

Tỷ số truyền, tiến:

lùi:

MÁY PHỤ

TT	Ký hiệu máy	Công suất N_e , KW	Vòng quay n_e , v/ph	Công dụng	Nơi chế tạo
----	-------------	----------------------	------------------------	-----------	-------------

THIẾT BỊ ĐẨY TÀU

Đặc tính kỹ thuật **Chân vịt 1** **Chân vịt 2** **Chân vịt 3**

Kiểu:

Vật liệu chế tạo:

Vòng quay n_{cv} , v/ph:

Đường kính D_{cv} , m:

Số cánh Z:

Khối lượng, Kg:

Tỉ số H/D:

Tỉ số mặt đĩa θ :

TRANG BỊ CỨU SINH

Phao bè:..... Số lượng:..... Sức chở:người

Dụng cụ nổi:..... Số lượng:..... Sức chở:người

Phao tròn: chiếc Phao áo: chiếc

THIẾT BỊ ĐIỆN

Số lượng máy phát:..... Kiểu máy phát:

Công suất (KW): Điện áp (V):

Ắc quy loại: dung lượng (Ah): Số lượng: ...

THIẾT BỊ KHÍ NÉN

Ký hiệu máy nén:; Số lượng và dung tích bình:

Năm và nơi sản xuất:

Áp suất làm việc: KG/ cm³

THIẾT BỊ KHAI THÁC**Máy khai thác:**

Loại máy

Sức kéo định mức
(KG)

Năm, nơi chế
tạo

Hệ thống động lực dẫn động:

Ký hiệu máy: Công suất (KW):

Lưới: Kích thước:; trọng lượng (KG):.....

Dụng cụ đánh bắt khác:

Hệ thống tăng gông:

Thiết bị phụ (Trụ ván, pully, con lăn...):.....

Cầu: Kiểu loại:.....Số lượng (cái): Vật liệu:

Kết cấu: Tầm với (m):

Tải trọng (KG):; Móc cầu (cái):

Pa lăng (cái):.....; Tải trọng (KG):.....; Ròng rọc(cái): ...

Hệ thống ánh sáng: Tổng công suất (KW):....

Loại đèn, số lượng
(cái):.....

THIẾT BỊ LẠNH

☐ Máy nén: Số lượng: ... cái

Áp suất nén: KG/cm² Tác nhân lạnh:

Năm và nơi sản xuất:

☐ Bình ngưng Số lượng: cái Dung tích:m³

Áp suất : KG/cm²

Năm và nơi sản xuất:

TRANG BỊ CỨU HOẢ

Bơm nước: Số lượng: ... Lưu lượng:m³/h

Bình bọt: bình Bình CO₂: bình

☐ Ròng rọc ☐ Xô múc nước ☐ Cát

☐ Xà beng ☐ Xẻng ☐ Rìu ☐ Bạt

TRANG BỊ HÚT KHÔ/CHỐNG THỦNG

Bơm nước: Số lượng: Lưu lượng: m³/h

Bơm tay: Số lượng: Lưu lượng: m³/h

- ☐ Bạt chống thùng ☐ Gỗ chống thùng
☐ Xi măng chống thùng ☐ Đồ nghề và đinh
☐ Phoi xảm, dụng cụ xảm ☐ Matít

TRANG BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- ☐ Máy thu phát vô tuyến MF/HF:
☐ Máy thu phát vô tuyến điện thoại cực ngắn MF:
☐ Máy thu phát VHF hai chiều:
☐ Máy thu trực canh tần số cấp cứu:
☐ Các thiết bị khác:

TRANG BỊ HÀNG HẢI

- ☐ La bàn từ ☐ La bàn lái ☐ Sào đo nước
☐ Ống nhòm ☐ Đồng hồ đo nghiêng ☐ Bộ cờ hàng hải
☐ Rada hàng hải ☐ Máy thu định vị vệ tinh GPS
☐ Các thiết bị khác:

TRANG BỊ TÍN HIỆU

- ☐ Đèn tín hiệu hành trình: ☐ Pháo hiệu:
☐ Đèn tín hiệu đánh cá: ☐ Âm hiệu:
☐ Vật hiệu: ☐ Đèn tín hiệu nhấp nháy:

HÀM HÀNG

Hàm cá: Số lượng: Tổng dung tích: tấn
 Hàm nước: Số lượng: Tổng dung tích: tấn
 Các hàm khác: ☐ Neo..... ☐ Dụng cụ..... ☐ Tạp vật.....

THIẾT BỊ NEO - CHẰNG BUỘC

Loại neo: ; Năm, nơi chế tạo:
 Trọng lượng neo: Neo phải: kg Neo trái: ... kg
 Chiều dài xích neo: Neo phải: m Neo trái: ... m
 Đường kính xích/cáp neo: mm
 Thiết bị chằng buộc:
 Dây buộc: Loại: Số lượng: ... Chiều dài: m
 Cột buộc: Kiểu: Số lượng: ... Vật liệu: ...

THIẾT BỊ LÁI

Lái chính kiểu:; Lái phụ kiểu:
 Truyền dẫn lái:

ĐẶC TÍNH HÀNG HẢI

- Tốc độ tự do, hải lý/h:
 - Đường kính vòng quay trở:
 Quay phải, *m*: ; Thời gian, *s*:
 Quay trái, *m*: ; Thời gian, *s*:
 - Quán tính:
 Tiến, khoảng cách, *m*: ; Thời gian, *s*:
 Lùi, khoảng cách, *m*: ; Thời gian, *s*:

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:

- Tàu được nhận cấp với ký hiệu dưới đây:

- Trạng thái kỹ thuật của tàu:
 - Ngày hoàn thành kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm...
 - Được phép hoạt động tại vùng:
 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.

Ngàytháng năm

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CÁC THAY ĐỔI THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA TÀU HOẶC CÁC TRANG THIẾT BỊ TRỒNG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC

NGÀY THÁNG

NỘI DUNG

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI

[illegible]

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CHU KỲ KIỂM TRA SAU KHI CẤP SỔ CỦA TÀU

STT	LOẠI HÌNH KIỂM TRA	NGÀY THÁNG KIỂM TRA	TRẠNG THÁI KỸ THUẬT	HẠN HOẠT ĐỘNG
-----	--------------------	---------------------	---------------------	---------------

CHI TIẾT CHU KỲ KIỂM TRA

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất:.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà(*) :.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 trên đà/hàng năm(*).

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số ...

....., ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu trên đà
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 3/trên đà(*) :.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra tại hàng năm số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04 :
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ^(*) đã được thực
 hiện từ ngày đến ngày; tại:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
 xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp^(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Ngày hoàn thành kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm ...
 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng
 năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
, ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*):

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 trên đà/hàng năm^(*).

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu trên đà:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.
ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*):
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.
ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.
ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ^(*) đã được thực
 hiện từ ngày đến ngày; tại:

 Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
 xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp^(*) với ký hiệu dưới đây:

 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Ngày hoàn thành kiểm tra định kỳ: Ngàytháng ...năm
 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng
 năm.
ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.
ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*):
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 trên đà/hàng năm^(*).
ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu trên đà:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.
ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*):
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.
ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
....., ngày
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra:
Cơ sở đăng kiểm tàu cá
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
định kỳ.
.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ^(*) đã được thực
hiện từ ngày đến ngày; tại:
.....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp^(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Ngày hoàn thành kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm ...
Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng
năm.
.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
....., ngày
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra:
Cơ sở đăng kiểm tàu cá
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
hàng năm.
.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
....., ngày
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra:
Cơ sở đăng kiểm tàu cá
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*)
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
trên đà/hàng năm^(*).
.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu trên đà

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*)

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ ngày đến ngày; tại:

.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....

xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp^(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Ngày kết thúc kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*):
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra trên đà/hàng năm^(*).

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu trên đà:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*):
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ ngày đến ngày; tại:

.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....

xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp^(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Ngày kết thúc kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*):

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra trên đà/hàng năm^(*).

.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu trên đà:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*):

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Ghi chú: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....

Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

MẪU SỔ ĐĂNG KIỂM TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**SỔ ĐĂNG KIỂM
TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**

Số sổ:/20.../ ĐKTC

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG SỔ

- Sổ đăng kiểm tàu công vụ thủy sản được lập trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật của tàu, các trang thiết bị lắp đặt trên tàu và kết quả giám sát kỹ thuật của Đăng kiểm tàu cá trong đóng mới, lần đầu. Các thông số kỹ thuật thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.
 - Trạng thái kỹ thuật của tàu theo chu kỳ phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra và xác nhận vào sổ này.
 - Sổ đăng kiểm tàu công vụ thủy sản dùng trong suốt đời con tàu để ghi các thông số chính bao gồm cấp tàu, mạn khô, trang thiết bị, tổng dung tích.
 - Những thay đổi (nếu có) của tàu và các trang thiết bị lắp đặt trên tàu phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra, xác nhận cho đến khi tàu không còn được sử dụng (giải bản, chìm đắm không thể trục vớt).
 - Sổ Đăng kiểm tàu công vụ thủy sản phải được lưu giữ trên tàu cùng với Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và các biên bản kiểm tra kỹ thuật do Đăng kiểm tàu cá cấp.
- Cấp tại.....ngày.....tháng.....năm.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TÀU

Kiểu tàu: Năm đóng:
 Nơi đóng:
 Công dụng:
 Số lượng thuyền viên:

THÂN TÀU

Kích thước $L_{\max}, m$:; $B_{\max}, m$:; D, m :
 L_{TK}, m :; B_{TK}, m :; d, m :
 Tổng dung tích (GT):; Mạn khô f, m :
 Trọng tải toàn phần (DW):; Vật liệu vỏ:
 Hệ thống kết cấu:; Tốc độ tàu :hl/h.

MÁY CHÍNH

Các thông số kỹ thuật chủ yếu	Máy số 1	Máy số 2	Máy số 3
----------------------------------	----------	----------	----------

Ký hiệu máy:

Số máy:

Công suất định mức N_e, KW

Vòng quay định mức $n_e, v/ph$

Nơi chế tạo:

Năm chế tạo:

Kiểu hộp số:

Tỷ số truyền, tiến:
lùi:

MÁY PHỤ

TT T	Ký hiệu máy	Công suất N_e , KW	Vòng quay n_e , v/ph	Công dụng	Nơi chế tạo
---------	----------------	----------------------------	------------------------------	--------------	-------------

THIẾT BỊ ĐẨY TÀU

Đặc tính kỹ thuật **Chân vịt 1** **Chân vịt 2** **Chân vịt 3**

Kiểu:

Vật liệu chế tạo:

Vòng quay n_{cv} , v/ph:

Đường kính D_{cv} , m:

Số cánh Z:

Khối lượng, Kg:

Tỉ số H/D:

Tỉ số mặt đĩa θ :

TRANG BỊ CỨU SINH

Phao bè:..... Số lượng:..... Sức chở:người

Dụng cụ nổi:..... Số lượng:..... Sức chở:người

Phao tròn: chiếc Phao áo: chiếc

THIẾT BỊ ĐIỆN

Số lượng máy phát:..... Kiểu máy phát:

Công suất (KW): Điện áp (V):

Ắc quy loại: dung lượng (Ah): Số lượng: ...

THIẾT BỊ KHÍ NÉN

Ký hiệu máy nén:; Số lượng và dung tích bình:

Năm và nơi sản xuất:

Áp suất làm việc: KG/ cm³

THIẾT BỊ NÂNG

Kiểu loại:....., Ký hiệu: Vật liệu:

Số lượng (cái): Hệ thống điều khiển:

Kết cấu: Tầm với (m):

Tải trọng (KG):; Móc cầu (cái):

Pa lăng (cái):.....; Tải trọng (KG):.....; Ròng rọc(cái): ...

THIẾT BỊ LẠNH

☐ Máy nén: Số lượng: cái

Áp suất nén: KG/cm² Tác nhân lạnh:

Năm và nơi sản xuất:

☐ Bình ngưng Số lượng: cái Dung tích:m³

Áp suất : KG/cm²

Năm và nơi sản xuất:

TRANG BỊ CỨU HOẢ

Bơm nước: Số lượng: Lưu lượng:m³/h

Bình bọt: bình Bình CO₂ : bình

☐ Ròng vải ☐ Xô múc nước ☐ Cát

☐ Xà beng ☐ Xẻng ☐ Rìu ☐ Bạt

☐ Hệ thống cứu hỏa bằng CO₂:

THIẾT BỊ NGĂN NGỪA Ô NHIỄM BIỂN

Thiết bị phân ly:....., Ký hiệu: Lưu lượng:m³/h

Kết dầu cặn: Số lượng: ... Dung tích: m³

Kết nước thải: Số lượng: Dung tích: m³

Thùng rác Số lượng: Thể tích: m³

Các thiết bị khác:

TRANG BỊ HÚT KHÔ/CHỐNG THÙNG

Bơm nước: Số lượng: Lưu lượng: m³/h

Bơm tay: Số lượng: Lưu lượng: m³/h

☐ Bạt chống thùng

☐ Gỗ chống thùng

☐ Xi măng chống thùng

☐ Đồ nghề và đinh

☐ Phoi xảm, dụng cụ xảm

☐ Matít

TRANG BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

☐ Máy thu phát vô tuyến MF/HF:

☐ Máy thu phát vô tuyến điện thoại cực ngắn MF:

☐ Máy thu phát VHF hai chiều:

☐ Máy thu trực canh tần số cấp cứu:

☐ Các thiết bị khác:

TRANG BỊ HÀNG HẢI

☐ La bàn từ

☐ La bàn lái

☐ Sào đo nước

☐ Ống nhòm

☐ Đồng hồ đo nghiêng

☐ Bộ cờ hàng hải

☐ Rada hàng hải

☐ Máy thu định vị vệ tinh GPS

☐ Các thiết bị khác:

TRANG BỊ TÍN HIỆU

☐ Đèn tín hiệu hành trình: ☐ Pháo hiệu:

☐ Vật hiệu:

☐ Âm hiệu:

☐ Đèn tín hiệu nhấp nháy:

☐ Thiết bị phản xạ ra đa:

KHOANG, HẦM

Khoang lạnh: Số lượng: Tổng dung tích: tấn

Hầm nước: Số lượng: Tổng dung tích: tấn

Các hầm khác: ☐ Neo..... ☐ Dụng cụ..... ☐ Tạp vật.....

THIẾT BỊ NEO - CHẰNG BUỘC

Loại neo: ; Năm, nơi chế tạo:

Trọng lượng neo: Neo phải: kg Neo trái: kg

Chiều dài xích neo: Neo phải: m Neo trái: m

Đường kính xích neo: mm

Thiết bị chằng buộc:

Dây buộc: Loại: Số lượng: Chiều dài: m

Cột buộc: Kiểu: Số lượng: Vật liệu:

THIẾT BỊ LÁI

Lái chính kiểu:; Lái phụ kiểu:

Truyền dẫn lái:

ĐẶC TÍNH HÀNG HẢI

- Tốc độ tự do, hải lý/h:

- Đường kính vòng quay trở:

Quay phải, *m*: ; Thời gian, *s*:

Quay trái, *m*: ; Thời gian, *s*:

- Quán tính:

Tiến, khoảng cách, *m*: ; Thời gian, *s*:

Lùi, khoảng cách, *m*: ; Thời gian, *s*:

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:

- Tàu được nhận cấp với ký hiệu dưới đây:

- Trạng thái kỹ thuật của tàu:

- Ngày kết thúc kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm ...

- Được phép hoạt động tại vùng:

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
(hàng năm) lại.

Ngàytháng năm

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CHU KỲ KIỂM TRA SAU KHI CẤP SỔ CỦA TÀU				
STT	LOẠI HÌNH KIỂM TRA	NGÀY THÁNG KIỂM TRA	TRẠNG THÁI KỸ THUẬT	HẠN HOẠT ĐỘNG

CÁC THAY ĐỔI THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA TÀU HOẶC CÁC TRẠNG THIẾT BỊ TRONG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC

NGÀY
THÁNG

NỘI DUNG

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM

CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI

[illegible]

CHI TIẾT CHU KỲ KIỂM TRA

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất:.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*):.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 trên đà/hàng năm^(*).

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu trên đà
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 3/trên đà^(*):.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực
 hiện từ ngày đến ngày; tại:

 Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
 xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Ngày kết thúc kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm ...
 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng
 năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà(*)....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 trên đà/hàng năm(*).

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu trên đà:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*).....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra tại hàng năm số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04 :
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ^(*) đã được thực
 hiện từ ngày đến ngày; tại:

 Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
 xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp^(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Ngày kết thúc kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm ...
 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng
 năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*):
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 trên đà/hàng năm^(*).

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu trên đà:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*):
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực hiện từ ngày đến ngày; tại:

.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....

xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Ngày kết thúc kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm ...

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà(*) :

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra trên đà/hàng năm(*).

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu trên đà:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.
ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà(*)
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.
ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.
ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực
 hiện từ ngày đến ngày; tại:

 Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
 xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Ngày kết thúc kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm ...
 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng
 năm.
ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*)

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra trên đà/hàng năm^(*).

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu trên đà

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*)

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ ngày đến ngày; tại:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....

xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp^(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Ngày kết thúc kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*):

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra trên đà/hàng năm^(*).

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu trên đà:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà(*):
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Ghi chú: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Tên tổ chức:.....
 Địa chỉ:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Tên tổ chức:.....
 Địa chỉ:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Tên tổ chức:.....
 Địa chỉ:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Tên tổ chức:.....
 Địa chỉ:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT MÁY THỦY ĐÃ QUA SỬ DỤNG
TRƯỚC KHI LẮP ĐẶT XUỐNG TÀU**

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC.....

....., ngày..... tháng..... năm 20...



**BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT MÁY THỦY ĐÃ QUA SỬ
DỤNG TRƯỚC KHI LẮP ĐẶT XUỐNG TÀU**

Theo yêu cầu của:.....

Chúng tôi gồm:

1.....

2.....

3.....

Là đăng kiểm viên tàu cá thuộc Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....

Tiến hành kiểm tra kỹ thuật máy thủy đã qua sử dụng của..... và đánh giá tình trạng kỹ thuật của máy thủy đã qua sử dụng như sau:

I. KIỂM TRA BÊN NGOÀI ⁽¹⁾

TT	Nội dung kiểm tra	Các thông số/tình trạng kỹ thuật	Đánh giá	
			Thỏa mãn	Không thỏa mãn
1	Nhà sản xuất			
2	Ký hiệu máy:			
3	Số máy:	Trên thân máy		
		Trên nhãn máy		
4	Công suất máy, Ne (kW)			
5	Vòng quay định mức (rpm)			
6	Năm/nơi chế tạo			
7	Số xy lanh (chiếc)			
8	Nắp máy, thân máy và các thiết bị phục vụ máy			
9	Hệ thống đồng hồ đo áp lực dầu			
10	Hệ thống đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát			
11	Hệ thống đồng hồ đo nhiệt độ khí xả			
12	Đồng hồ đo vòng quay máy			

II. THỬ HOẠT ĐỘNG ⁽²⁾

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả	Thông số kỹ thuật cho phép	Đánh giá	
				Thỏa mãn	Không thỏa mãn
1	Thử khởi động máy liên tục từ trạng thái nguội ⁽³⁾				
2	Thử vòng quay ổn định thấp nhất, $n_{\min}$ (rpm) ⁽⁴⁾				
3	Thử tăng tốc và giảm tốc đột ngột, nhiều lần (không dưới 3 lần) ⁽⁵⁾ .				
4	Thử tốc độ lớn nhất, $n_{\max}$ (rpm) ⁽⁶⁾ .				
5	Áp lực dầu bôi trơn (kg/cm ²)				
6	Nhiệt độ dầu bôi trơn (°C)				
7	Nhiệt độ nước làm mát vòng trong (°C)				
8	Nhiệt độ khí xả (°C)				

III. KẾT LUẬN

Căn cứ kết quả kiểm tra, Đăng kiểm viên kết luận: Máy thủy đã qua sử dụng đủ điều kiện hay không đủ điều kiện lắp đặt trên tàu cá:.....

**CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN
CHỦ TÀU**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN NHÀ SẢN
XUẤT/CƠ SỞ CUNG
CẤP/SỬA CHỮA MÁY**
(Ký tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Máy không nứt, vỡ, hàn vá, móp méo; các chữ, số in trên nhãn máy rõ ràng phù hợp với tài liệu kỹ thuật của máy; các đồng hồ đo còn đầy đủ, nguyên vẹn.

(2) Thử tại xưởng. Cho phép thử sau khi đã lắp đặt xuống tàu đối với trường hợp chủ tàu cam kết chịu trách nhiệm tháo máy đưa ra khỏi tàu nếu kết quả thử không thỏa mãn.

(3) Khởi động 12 lần đối với động cơ đảo chiều; 6 lần đối với động cơ không đảo chiều; quá trình thử không cấp thêm không khí nén cho bình khí nén khởi động máy (hoặc điện năng cho ắc quy khởi động máy); máy khởi động dễ dàng, không có lần thử nào không đạt kết quả.

(4) Khi máy chạy đã nóng, giảm lượng cấp nhiên liệu đến mức tối thiểu, máy làm việc ổn định ở chế độ vòng quay nhỏ hơn 30% vòng quay định mức, trong thời gian ≥ 10 min.

(5) Động cơ làm việc ổn định, không tự dừng, không có tiếng gõ bất thường của các cơ cấu chuyển động.

(6) Tốc độ tối đa của động cơ không vượt quá 115% vòng quay định mức./.

**DANH MỤC VẬT LIỆU, MÁY MÓC VÀ TRANG THIẾT BỊ LẮP ĐẶT
TRÊN TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG
THỦY SẢN (*)**

STT	TÊN SẢN PHẨM	CƠ SỞ THỰC HIỆN
I	Vật liệu, máy móc, trang thiết bị sử dụng trên tàu	
1	Vật liệu	
1.1	Vật liệu kim loại - Thân tàu	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
1.1.1	Vật liệu tấm	
1.1.2	Vật liệu định hình	
1.1.3	Vật liệu đúc	
1.1.4	Vật liệu rèn	
1.2	Vật liệu composite (nhựa và sợi) – thân tàu	
1.3	Vật liệu để chế tạo trục chân vịt, trục lái	
2	Động cơ đốt trong	
2.1	Máy chính	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
2.2	Máy phụ	
2.3	Bu lông chân máy chính, chân hộp số	
3	Thiết bị neo và chằng buộc	
3.1	Xích neo và bộ phận liên quan	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
3.2	Neo và phụ tùng	
3.3	Chặn xích	
3.4	Tời neo	
3.5	Tời dây	
3.6	Cáp kéo và chằng buộc	
4	Trang bị hệ cửa và nắp hầm	
4.1	Nắp hầm (đôi tàu kim loại, Composite)	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
4.2	Thiết bị thủy lực	
4.3	Cửa hút lô có nắp thép	
4.4	Cửa mũi, cửa lái, cửa mạn	

4.5	Cửa kín nước	
4.6	Cửa kín thời tiết	
4.7	Cửa chống cháy	
5	Thiết bị lái và máy lái	
5.1	Bánh lái	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
5.2	Trục lái	
5.3	Ổ đỡ	
5.4	Đòn lái	
5.5	Bu lông nối liên kết đòn lái	
5.6	Máy lái	
5.7	Thiết bị điện cảnh báo và kiểm soát máy lái	
6	Bơm, Van và ống	
6.1	Van dùng cho hệ thống ống cấp I, II, III; van dầu hàng; van an toàn; van phòng sóng (van tự động một chiều), van thông biển, van thoát mạn và van áp suất chân không	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
6.2	Ống cấp I và II	
6.3	Bơm	
6.4	Xi lanh, động cơ, bơm thủy lực	
7	Nồi hơi, bình áp lực và hệ thống làm lạnh	
7.1	Nồi hơi	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
7.2	Thiết bị sinh hơi (trên 0,35Mpa)	
7.3	Thiết bị dầu nóng và nước nóng (phục vụ hệ động lực)	
7.4	Thiết bị tự động và an toàn (kiểm soát áp suất, nhiệt độ, mức nước và van an toàn) cung cấp theo từng tàu.	
7.5	Van an toàn	

7.6	Bình chịu áp lực PV-1; PV-2	
7.7	Hệ thống làm lạnh	
7.8	Tủ/hộp kiểm soát và cảnh báo của nồi hơi	
8	Thiết bị điện và tự động	
8.1	Tổ hợp máy phát	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
8.2	Máy phát	
8.3	Động cơ điện, động cơ phòng nổ	
8.4	Tổ hợp máy phát điện sự cố	
8.5	Bảng điện chính	
8.6	Bảng điện phụ	
8.7	Bảng điện sự cố	
8.8	Bảng nạp và phóng	
8.9	Bàn điều khiển tập trung buồng máy	
8.10	Bàn điều khiển tập trung buồng lái	
8.11	Nguồn cấp, hệ điều khiển và cáp điện	
8.12	Tủ điện điều khiển	
8.13	Tủ/hộp kiểm soát và cảnh báo của máy chính/phụ	
8.14	Hệ thống điều khiển từ xa máy chính (kể cả các cảm biến)	
8.15	Thiết bị ngắt mạch chính	
8.16	Thiết bị chuyển đổi điện	
8.17	Tổ hợp bảng khởi động điện	
9	Trục và thiết bị đẩy	
9.1	Trục trung gian và ổ đỡ	
9.2	Trục chân vịt	

9.3	Ống bao trục	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
9.4	Ổ đỡ ống bao	
9.5	Chân vịt	
9.6	Hệ đẩy kiểu Z	
9.7	Khớp nối cứng, khớp nối mềm	
9.8	Bu lông nối trục	
9.9	Hệ đẩy khác	
9.10	Chân vịt có bước điều khiển được	
10	Trang thiết bị cứu sinh	
10.1	Bè cứu sinh (gồm bè cứng và bơm hơi)	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
10.2	Xuồng cấp cứu	
10.3	Phao bè tự thổi	
10.4	Dụng cụ nổi	
10.5	Thiết bị hạ (gồm cần hạ, tời, pully, cơ cấu nhả và dây)	
10.6	Phao tròn	QCVN 02-21: 2015/BNNMT TCVN 7283:2008
10.7	Phao áo	QCVN 02-21: 2015/BNNMT TCVN 7282:2008
11	Phương tiện tín hiệu	
11.1	Đèn tín hiệu hàng hải	QCVN 02-21: 2015/BNNMT
11.2	Đèn tín hiệu nhấp nháy (chóp)	QCVN 02-21: 2015/BNNMT
11.3	Đèn tín hiệu đánh cá	QCVN 02-21: 2015/BNNMT
11.4	Phương tiện tín hiệu âm thanh	QCVN 02-21: 2015/BNNMT
11.5	Pháo hiệu, vật hiệu	QCVN 02-21: 2015/BNNMT
12	Trang thiết bị phục vụ khai thác thủy sản	
12.1	Các loại tời thu, thả lưới	QCVN 64:2015/BGTVT TCVN 8393:2021; TCVN 8394:2012 TCVN 8394:2012
12.2	Máy thu, thả câu	QCVN 64:2015/BGTVT TCVN 10596:2015

12.3	Hệ thống tăng gông	QCVN 64:2015/BGTVT QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
12.4	Hệ cầu	
II	Thiết bị đảm bảo an toàn tại cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	
1	Phao neo, buộc tàu cá tại các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão	QCVN 72: 2014/BGTVT
2	Phao tín hiệu dẫn luồng cho cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão	
3	Đệm chống va cho cầu cảng	QCVN 21:2025/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT

Ghi chú:

(*) Vật liệu, máy móc, trang thiết bị khác chưa có tên trong Phụ lục này thì thực hiện việc kiểm tra theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Phụ lục II

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN ĐƯỢC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ THUỘC PHẠM
VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 01 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI

**Danh mục thủ tục hành chính nội bộ cấp Trung ương được sửa đổi, bổ
sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Tên VBQPPL quy định sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
1	5.000135	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu công vụ thủy sản	Thủy sản và Kiểm ngư	Điều 19 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026	Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	5.000134	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu công vụ thủy sản	Thủy sản và Kiểm ngư	Điều 20 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026	Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	5.000133	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu công vụ thủy sản	Thủy sản và Kiểm ngư	Điều 21 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026	Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

I. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu công vụ thủy sản (Mã TTHC: 5.000135)

1. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức nộp hồ sơ đến Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp đăng ký tàu cá trên địa bàn làm thủ tục đăng ký, vào Sổ đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Các thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

3.1) Đối với tàu đóng mới gồm:

a) Tờ khai đăng ký: theo Mẫu số 02b.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

c) Văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền;

d) Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

đ) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

e) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

3.2) Đối với tàu cải hoán gồm:

a) Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02b.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền;

c) Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

d) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

đ) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

e) Bản chính Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

g) Giấy chứng nhận đăng ký cũ.

3.3) Đối với tàu mua bán, tặng cho trong nước, gồm:

a) Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02b.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Bản chính Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định;

đ) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;

e) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký đối với trường hợp mua bán ngoài tỉnh, thành phố.

3.4) Đối với tàu nhập khẩu, tặng cho, viện trợ, gồm:

a) Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02b.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

đ) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá, đã qua sử dụng;

e) Bản sao có chứng thực Tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan.

4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký công vụ thủy sản.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 02b.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Số:...../ĐKTC **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
 N⁰ **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN
Technical and safety certificate of ships duty fisheries

Tên tàu:..... Số đăng ký: Hồ hiệu:
Name of vessel..... Registration number..... Call sign.....
 Chủ tàu: (Vessel's owner)..... Quốc tịch: (Flag).....
 Địa chỉ: (Address).....
 Năm và nơi đóng: (Year and Place of Build).....
 Công dụng (nghề): Vật liệu thân, vỏ:
Used for (fishing gear)..... Materials.....
 Tổng dung tích: Trọng tải toàn phần: Số thuyền viên:
Gross tonnage..... Deadweight..... Number of crew.....
 Chiều dài, L_{max}: ...(m) Chiều rộng, B_{max}: ...(m) Chiều cao mạn, D:(m)
Length overal..... Breadth overal..... Draught.....
 Chiều dài thiết kế, L_{tk}: ...(m) Chiều rộng thiết kế, B_{tk}:(m) Chiều chìm, d:(m)
Length..... Breadth..... Depth.....
 Tổng công suất máy chính, Ne (KW): Số lượng máy chính:.....
Total Power..... Number of Engines.....

TT	Ký hiệu máy <i>Type of machine</i>	Số máy <i>Number engines</i>	Công suất, Ne (kW) <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and Place of Build</i>

- Căn cứ vào quy phạm và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước và biên bản kiểm tra kỹ thuật số/ĐKTC, ngày tháng năm

Pursuant to the vessel's technical check minute no:..... dated on

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:

Fishing vessel register certify that

- Trạng thái kỹ thuật của tàu: (Technical state of the fishing vessel).....

- Cấp tàu <i>The class</i>	Không hạn chế <i>Unlimited</i>	Hạn chế I <i>Limitations I</i>	Hạn chế II <i>Limitations II</i>	Hạn chế III <i>Limitations III</i>

Được phép hoạt động tại:.....

Allowed to operate at.....

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: ngày tháng năm
This certificate is valid until Date.....

Cấp tại ngày tháng năm
Issued at Date.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN
MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

Kính gửi:

Cơ quan/tổ chức:.....

Địa chỉ:

Người đại diện:....., Chức vụ:.....

Số điện thoại:.....

Đề nghị đăng ký tàu công vụ thủy sản có các đặc điểm cơ bản:

Tên tàu:; Công dụng:.....

Năm, nơi đóng:

Thông số cơ bản của tàu (m): $L_{\max} = \dots\dots\dots$; $B_{\max} = \dots\dots\dots$; $D = \dots\dots\dots$

$L_{tk} = \dots\dots\dots$; $B_{tk} = \dots\dots\dots$; $d = \dots\dots\dots$

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, (DW):; Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm	Ghi chú

Đề nghị xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu công vụ thủy sản theo quy định./.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03.ĐKTC

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /GCNXX , ngày... tháng ... năm 20..

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG

Tên sản phẩm:.....

Nơi đóng:.....

Địa chỉ:.....

Năm đóng:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm:

Thông số cơ bản của tàu: $L_{\max}$ =.....; $B_{\max}$ =.....; D =..... L_{tk} =.....; B_{tk} =.....; d =.....

Vật liệu vỏ:.....; cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc đóng mới, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU
CƠ SỞ ĐÓNG TÀU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /GCNXX

....., ngày...tháng...năm...

GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU

Tên sản phẩm:.....
 Nơi cải hoán, sửa chữa:.....
 Địa chỉ:.....
 Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm.. đến ngày ... tháng ...năm...
 Ký hiệu thiết kế:.....
 Đơn vị thiết kế:.....
 Cơ sở đăng kiểm phê duyệt thiết kế:
Thông số cơ bản trước cải hoán/sửa chữa (m):

 $L_{\max}=.....; B_{\max}=.....; D=.....$
 $L_{tk}=.....; B_{tk}=.....; d=.....$

Vật liệu vỏ:....., Cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Thông số cơ bản sau cải hoán/ sửa chữa (m):
 $L_{\max}=.....; B_{\max}=.....; D=.....$
 $L_{tk}=.....; B_{tk}=.....; d=.....$

Vật liệu vỏ:....., Cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc cải hoán/ sửa chữa, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

N^o



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN
REGISTRATION CERTIFICATE OF SHIPS DUTY FISHERIES**

Chứng nhận tàu công vụ thủy sản có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ Đăng ký tàu cá Việt Nam:

Hereby certifies that the Ships duty fisheries with the following specifications has been registered into The Vietnam National Vessel Registration Book:

Tên tàu:	Hồ hiệu:		
<i>Name of Vessel</i>	<i>Signal Letters</i>		
Chủ tàu:	Nơi thường trú:		
<i>Vessel owner</i>	<i>Residential Address</i>		
Số CCCD/CC/ĐKKD	Công dụng (nghề):		
<i>Identity card</i>	<i>Used for (fishing gear)</i>		
Tổng dung tích, GT:	Trọng tải toàn phần (DW): tấn		
<i>Gross Tonnage</i>	<i>Dead weight</i>		
Chiều dài L _{max} , m:	Chiều rộng B _{max} , m:		
<i>Length overal</i>	<i>Breadth overal</i>		
Chiều dài thiết kế L _{tk} , m:	Chiều rộng thiết kế B _{tk} , m:		
<i>Length</i>	<i>Breadth</i>		
Chiều cao mạn D, m:	Chiều chìm d, m:		
<i>Draught</i>	<i>Depth</i>		
Kiểu tàu:	Tốc độ tự do hl/h:		
<i>Type of Vessel</i>	<i>Speed</i>		
Năm và nơi đóng:	Vật liệu vỏ:		
<i>Year and Place of Build</i>	<i>Materials</i>		
Số lượng máy:	Tổng công suất (kW):		
<i>Number of Engines</i>	<i>Total power</i>		
Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm và nơi chế tạo
<i>Type of machine</i>	<i>Number engines</i>	<i>Power</i>	<i>Year and place of manufacture</i>
.....			
Cảng đăng ký:	Cơ sở đăng kiểm tàu cá:		
<i>Port Registry</i>	<i>Register of Vessels</i>		
Số đăng ký:			
<i>Number or registry</i>			
Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ^(***) :...	Cấp tại ..., ngàytháng...năm.....		
<i>This certificate is valid until</i>	<i>Issued at... Date</i>		

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THÔNG TIN VỀ CHỦ SỞ HỮU TÀU

TTT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân	Tỷ lệ cổ phần (%)

II. Tên thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu công vụ thủy sản (Mã TTHC: 5.000134)

1. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức nộp hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu công vụ thủy sản. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu công vụ thủy sản cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Các thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

a) Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu công vụ thủy sản cũ; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do;

c) Ảnh màu hai bên mạn tàu (9 x 12 cm).

4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu Công vụ thủy sản.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 07.ĐKT VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

Mẫu số 07.ĐKT

**MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**

Kính gửi:

Họ tên người khai:.....

Thường trú tại:

Số CCCD/CC:.....

Số điện thoại:.....

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu:

Tên tàu:; Số đăng ký:.....

Năm, nơi đóng:.....

Nơi đăng ký:.....

Thông số cơ bản của tàu: $L_{\max}$ =; $B_{\max}$ =; D =

L_{tk} =; B_{tk} =; d =

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, tấn:Số thuyền viên, người.....

Nghề chính:Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Căn cước công dân	Giá trị cổ phần

3. Lý do đề nghị cấp lại:

Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là đúng sự thật.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

III. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu công vụ thủy sản (Mã TTHC: 5.000133)

1. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức nộp hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 09.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu công vụ thủy sản cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Các thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

a) Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 08.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, hợp đồng đóng tàu, biên bản nghiệm thu xuất xưởng;

c) Bản sao có chứng thực các giấy tờ đối với tàu nhập khẩu, thuê tàu trần từ nước ngoài về cảng đầu tiên của Việt Nam, gồm: Văn bản cho phép nhập khẩu

hoặc thuê tàu trần, hợp đồng đóng tàu và thanh lý hợp đồng đóng tàu đối với tàu đóng mới, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật hoặc giấy chứng nhận phân cấp còn hiệu lực từ 06 tháng trở lên do tổ chức đăng kiểm nước có tàu cấp;

d) Ảnh màu hai bên mạn tàu (kích thước: 9 x 12 cm).

4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu công vụ thủy sản.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 08.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 09.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

Mẫu số 08.ĐKT

**MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**
Declaration for temporary registration of ships duty fisheries

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp đăng ký tàu công vụ thủy sản)

To: (Name of competent authority registration of ships duty fisheries)

Người đề nghị:

Applicant

Nơi thường trú:

Residential Address:

Số CCCD/CC:

Identity card:

Số Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu công vụ thủy sản.....Cơ quan cấp.....

Number of certificate of deregistration of ships duty fisheries.....Granting agencies.....

Mã số doanh nghiệp (nếu có):

Business code (if any):

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu công vụ thủy sản với nội dung dưới đây:

Kindly for temporary registration of ships duty fisheries with the following particulars:

1. Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu:

Basic specifications of ship

Tên tàu: Hô hiệu:

Name of Vessel *Call sign*

Kiểu tàu: Vật liệu:

Type of Vessel *Materials*

Công dụng/nghề:

Used for/fishing gears

Năm và nơi đóng
Year and Place of Build

Chiều dài lớn nhất L_{max} Chiều dài thiết kế L_{tk}

Length overall *Length*

Chiều rộng lớn nhất B_{max} Chiều rộng thiết kế B_{tk}

Breadth overall *Breadth*

Chiều cao mạn D Chiều chìm d

Draught *Depth*

Tổng dung tích:

Gross tonnage (GT)

Số lượng máy

Number of engines

Trọng tải toàn phần:

Deadweight (DW)

Tổng công suất.....

Total Power

Kiểu máy <i>Type</i>	Số máy <i>Number</i>	Công suất <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and place of manufacture</i>

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

The name, address and value of shares of each ownership

TT	Họ và tên <i>Full name</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Số CCCD <i>Identification number</i>	Giá trị cổ phần <i>Equity value</i>

3. Lý do xin đăng ký tạm thời tàu:

Reasons to temporary registration of ship

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

I pledge to use the vessel in accordance with the registered content and strictly comply with the provisions of the law of the Vietnamese.

....., ngày tháng năm

Date.....

CHỦ TÀU

Shipowner

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(sign, full name and stamp)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**N⁰**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN*****Certificate of temporary registration of import ships duty fisheries***

Chứng nhận tàu cá có các thông số dưới đây đã được đăng ký:

Hereby certifies that the fishing vessel with the following specifications has been temporarily registered

Tên tàu:	Hồ hiệu:		
<i>Name of Vessel</i>	<i>Signal Letters</i>		
Chủ tàu:	Nơi thường trú:		
<i>Vessel owner</i>	<i>Residential Address</i>		
Số CCCD/CC/ĐKKD	Công dụng (nghề):		
<i>Identity card</i>	<i>Used for (fishing)</i>		
Tổng dung tích, GT:	Trọng tải toàn phần:		
<i>Gross Tonnage</i>	<i>Dead weight</i>		
Chiều dài L _{max} , m:	Chiều rộng B _{max} , m:		
<i>Length overall</i>	<i>Breadth overall</i>		
Chiều dài thiết kế L _{tk} , m:	Chiều rộng thiết kế B _{tk} , m:		
<i>Length</i>	<i>Breadth</i>		
Chiều cao mạn D, m:	Chiều chìm d, m:		
<i>Draught</i>	<i>Depth</i>		
Kiểu tàu:	Tốc độ tự do hl/h:		
<i>Type of Vessel</i>	<i>Speed</i>		
Vật liệu vỏ:	Năm và nơi đóng:		
<i>Materials</i>	<i>Year and Place of Build</i>		
Số lượng máy:	Tổng công suất (kW):		
<i>Number of Engines</i>	<i>Total power</i>		
Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm và nơi chế tạo
<i>Type of machine</i>	<i>Number engines</i>	<i>Power</i>	<i>Year and place of manufacture</i>
.....			
Nơi đăng ký:	Cơ sở đăng kiểm tàu cá:		
<i>Place Registry</i>	<i>Register of Vessels</i>		
Số đăng ký:	Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày		
<i>Number or registry</i>	<i>This certificate is valid until</i>		
	Cấp tại ..., ngàytháng...năm.....		
	<i>Issued at Date</i>		
	THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU		
	(Ký tên/ký số và đóng dấu)		